

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép phát hành Chứng chỉ Quỹ cho các Nhà đầu tư chỉ có nghĩa là việc xin phép lập Quỹ và phát hành Chứng chỉ Quỹ đầu tư đã thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ

BẢN CÁO BẠCH QUỸ MỞ

1. Tên của Quỹ: **Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng Bảo Việt (BVPF)**

2. Số GCN đăng ký chào bán CCQ ra công chúng: Số 23/GCN-UBCK ngày 11/11/2016

3. Loại hình Quỹ: **Quỹ mở**

4. Ngày đăng ký với UBCKNN: **12/06/2026**

5. Thời hạn hiệu lực:

6. Thông cáo nội dung sau:

"Quỹ đầu tư chứng khoán được mô tả trong Bản cáo bạch này là Quỹ được thành lập theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH 14 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản cáo bạch này đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 14/07/2021".

7. Họ tên, chức danh và địa chỉ liên lạc của người phụ trách công bố thông tin.

- Họ và tên: **Nguyễn Tiến Hải**
- Chức vụ: **Giám đốc Ban Quản lý danh mục**
- Địa chỉ: **Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt (Viết tắt: BVF)**
Tầng 12, tòa nhà Pacific Place, số 83B Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Điện thoại: **(84-24) 3928 9589**

Fax: **(84-24) 3928 9590**

8. Nơi cung cấp Bản cáo bạch, báo cáo hoạt động định kỳ, báo cáo tài chính:

Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt

- Trụ sở chính: **Tầng 12, Tòa nhà Pacific Place, Số 83B Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, TP Hà Nội.**
- Điện thoại: **(84-24) 3928 9589** Fax: **(84-24) 3928 9590**
- Website: **<http://www.baovietfund.com.vn>**

Các Đại lý phân phối theo quy định tại Bản Cáo bạch này



I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	1
1. Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt	1
2. Ngân hàng Giám sát	1
II. CÁC THUẬT NGỮ / ĐỊNH NGHĨA	1
III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ	4
1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam	4
2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư thị trường cổ phiếu Việt Nam	6
IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	7
1. Các thông tin chung về Công ty Quản lý Quỹ	7
1.1. Thông tin cơ bản	7
1.2. Giới thiệu về pháp nhân sở hữu Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt	7
1.3. Giới thiệu về cơ cấu Hội đồng Thành viên (HĐTV) Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt	9
1.4. Giới thiệu về Ban điều hành Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt	13
1.5. Giới thiệu về Quản lý danh mục	13
2. Các thông tin về tình hình hoạt động của Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt	14
2.1. Tổng quan về Công ty Quản lý Quỹ	14
2.2. Kết quả kinh doanh của Công ty Quản lý Quỹ trong 5 năm gần đây:	16
2.3. Các quỹ do Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt đang quản lý	17
V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	18
VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN	18
VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ:	19
VIII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN	19
IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ	19
1. Thông tin chung về Quỹ	19
2. Điều lệ quỹ cập nhật	19
2.1. Các điều khoản chung	19
2.2. Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế	21
2.3. Đặc trưng của Chứng chỉ Quỹ đầu tư	29
2.4. Cơ chế giao dịch Chứng chỉ Quỹ	33
2.5. Nguyên tắc xác định giá giao dịch đơn vị quỹ	37

2.6.	Thông tin về các mức giá dịch vụ mà Quỹ phải trả	39
2.7.	Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế	41
2.8.	Đại hội Nhà đầu tư	42
2.9.	Ban Đại diện Quỹ	46
2.10.	Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ.....	49
2.11.	Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Ngân hàng Giám sát	52
2.12.	Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo	54
3.	Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ	55
3.1.	Rủi ro thị trường	55
3.2.	Rủi ro lãi suất.....	55
3.3.	Rủi ro lạm phát	55
3.4.	Rủi ro thanh khoản	55
3.5.	Rủi ro pháp lý	55
3.6.	Rủi ro tín nhiệm	55
3.7.	Rủi ro xung đột lợi ích.....	55
3.8.	Rủi ro đối với tài sản cụ thể (cổ phiếu, trái phiếu, tiền gửi)	55
3.9.	Rủi ro cá biệt	55
3.10.	Rủi ro khác	56
4.	Các thông tin đầu tư khác (tham khảo chi tiết tại Điều lệ và website)	56
X.	PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO	56
1.	Căn cứ pháp lý.....	56
2.	Phương án phát hành lần đầu.....	56
3.	Giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau đợt phát hành lần đầu.....	56
3.1.	Giao dịch Chứng chỉ Quỹ thông thường	56
3.2.	Chương trình đầu tư định kỳ (SIP):.....	58
4.	Công bố giá trị tài sản ròng và tình hình giao dịch.....	59
4.1.	Tần suất xác định giá trị tài sản ròng	59
4.2.	Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng	59
4.3.	Công bố giá trị tài sản ròng.....	59
5.	Thông tin hướng dẫn tham gia đầu tư vào quỹ đầu tư	59
XI.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ	59

1. Báo cáo tài chính	59
2. Tình hình phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ:.....	62
3. Giá dịch vụ:.....	62
3.1. Giá dịch vụ quản lý quỹ, quản trị quỹ, đại lý chuyển nhượng:.....	62
3.2. Giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký:.....	63
3.3. Giá dịch vụ khác (kiểm toán, định giá):	64
4. Các chỉ tiêu hoạt động	64
4.1. Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ:	64
4.2. Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ:	64
5. Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận của Quỹ:	64
6. Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ:	64
7. Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của Quỹ:	64
XII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	64
XIII. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	65
1. Cung cấp tài liệu, thông tin cho Nhà đầu tư	65
2. Chế độ báo cáo, lưu trữ hồ sơ, quản lý thông tin	65
XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ	66
XV. CAM KẾT	66
Phụ lục 1. Quy trình và các hướng dẫn đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ BVPF.....	67
Phụ lục 2. Các mẫu phiếu đăng ký mua, bán, giao dịch chứng chỉ quỹ BVPF	70
Phụ lục 3. Danh sách đại lý phân phối và địa điểm giao dịch chứng chỉ quỹ, địa điểm nơi bán cáo bạch được cung cấp.....	70
Phụ lục 4. Phương pháp xác định giá trị tài sản.....	75
Phụ lục 5. Biểu giá dịch vụ lưu ký giám sát và Giá dịch vụ trả cho dịch vụ ủy quyền.....	80

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt

- | | |
|-------------------------|---------------------------------------|
| - Bà Trần Thị Diệu Hằng | Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên |
| - Ông Nguyễn Thừa Nhật | Chức vụ: Tổng giám đốc |
| - Ông Đặng Chí Nghĩa | Chức vụ: Kế toán trưởng |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu được nêu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với các thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Ngân hàng Giám sát

- | | |
|-----------------|------------------------|
| - Bà Lê Mỹ Linh | Phó Giám đốc Chi nhánh |
|-----------------|------------------------|

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt lập sau khi có xác nhận của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành. Chúng tôi, với tư cách là Ngân hàng Giám sát của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu triển vọng Bảo Việt xác nhận các thông tin có liên quan đến Ngân hàng Giám sát trong bản cáo bạch này và sẽ chịu trách nhiệm theo các quy định trong phạm vi Hợp đồng cung cấp dịch vụ giám sát giữa chúng tôi với Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt, là Công ty Quản lý Quỹ của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu triển vọng Bảo Việt và theo quy định pháp luật.

II. CÁC THUẬT NGỮ / ĐỊNH NGHĨA

- | | |
|-----------------------|--|
| "Quỹ " | Là Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng Bảo Việt (BVPF), hoạt động theo cơ chế quỹ mở, thực hiện chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng, được thành lập theo quy định của pháp luật về Chứng khoán và Điều lệ Quỹ. |
| "Công ty Quản lý Quỹ" | Nghĩa là Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt (BVF) được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 05/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) ban hành ngày 08/11/2005 (và các điều chỉnh bổ sung của Giấy phép này) và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH số 0100111761-129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/10/2007 (và các điều chỉnh bổ sung của Giấy chứng nhận này). Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt được ủy thác quản lý Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng Bảo Việt, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Quỹ. |
| "Ngân hàng Giám sát" | Là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành (sau đây gọi là Ngân hàng Giám sát) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619- |

073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần mười hai (12) ngày 16/06/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quý; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quý đồng thời giám sát hoạt động của Quý; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quý do Công ty Quản lý Quý thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Điều 42 Điều lệ Quý (iii) các dịch vụ khác được Công ty Quản lý Quý ủy quyền thực hiện theo các điều khoản của Hợp đồng giám sát.

"Công ty kiểm toán"	Là công ty kiểm toán cho Quý được Đại hội Nhà đầu tư chỉ định, là công ty kiểm toán độc lập, được chấp thuận thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quý đầu tư Cổ phiếu triển vọng Bảo Việt.
"Đại lý phân phối"	Có nghĩa là các tổ chức thực hiện hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ cho Quý được nêu rõ tại Bản cáo bạch và đảm bảo các điều kiện đăng ký hoạt động đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở theo quy định của pháp luật. Hoạt động, quyền và nghĩa vụ của Đại lý phân phối được quy định tại Điều lệ Quý và pháp luật có liên quan.
"Điều lệ Quý"	Là Điều lệ của Quý Đầu tư Cổ phiếu triển vọng Bảo Việt và các Phụ lục đính kèm, các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có), đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
"Bản cáo bạch"	Là văn bản này và các Phụ lục đính kèm, các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).
"Hợp đồng giám sát"	Là Hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý Quý và Ngân hàng Giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quý.
"Nhà đầu tư"	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng chỉ Quý.
"Đại hội Nhà đầu tư"	Là Đại hội của Nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quý. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quý.
"Ban Đại diện Quý"	Là những người đại diện cho Nhà đầu tư được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để thay mặt Nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quý, Công ty Quản lý Quý và Ngân hàng Giám sát.

"Vốn Điều lệ"	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ Quỹ.
"Chứng chỉ Quỹ đầu tư"	Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại quỹ. Mệnh giá 01 chứng chỉ quỹ là 10.000 đồng
"Giá bán/Giá phát hành"	Là mức giá Nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng); hoặc bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cộng thêm giá dịch vụ phát hành đã quy định tại Điều lệ Quỹ.
"Giá mua lại"	Là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại Chứng chỉ Quỹ đã quy định tại Điều lệ Quỹ.
"Giá dịch vụ quản lý quỹ"	Là giá dịch vụ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ.
"Giá dịch vụ phát hành/Giá dịch vụ mua lại"	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi mua/bán một đơn vị Chứng chỉ Quỹ. Giá dịch vụ phát hành/ giá dịch vụ mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm trên số tiền đăng ký mua/giá trị mua lại theo quy định tại Điều 20 của Điều lệ Quỹ.
"Cổ tức Quỹ"	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư.
"Năm tài chính"	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
"Giá trị tài sản ròng của Quỹ"	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại ngày định giá.
"Ngày định giá"	Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ.
"Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ"	Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư theo cơ chế giao dịch của Quỹ (Ngày T).
"Thời điểm đóng sổ lệnh"	Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà đầu tư để thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ trong ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.

"Luật Chứng khoán"	Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.
"UBCKNN"	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.
"Các định nghĩa khác"	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

Trong giai đoạn 2021 – 2025, kinh tế thế giới đã trải qua nhiều biến động lớn. Trong nửa đầu, đại dịch Covid-19 đã làm đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, xung đột Nga – Ucraina đẩy giá lương thực, thực phẩm, nguyên vật liệu thiết yếu tăng cao và tạo áp lực lớn lên lạm phát. Trong nửa sau, lạm phát đã dần hạ nhiệt, song xung đột quân sự vẫn tiếp tục leo thang, nhiều quốc gia tăng cường chính sách bảo hộ thương mại, chuỗi cung ứng toàn cầu đứt gãy cục bộ, nợ công và thâm hụt ngân sách gia tăng. Gần đây, các biện pháp thương mại mang tính đối đầu của Hoa Kỳ (thường được gọi là "chiến tranh thương mại 2.0") tiếp tục tạo ra sự căng thẳng trong thương mại quốc tế, qua đó tác động tiêu cực đến tăng trưởng của nhiều nền kinh tế lớn. Bước sang năm 2026, ngoài việc căng thẳng thương mại vẫn tiếp diễn, các cuộc xung đột vũ trang bùng nổ cả về phạm vi và mức độ, đặc biệt là diễn biến tại khu vực Trung Đông, qua đó tiếp tục làm gia tăng rủi ro và bất định đối với kinh tế toàn cầu.

Là một nền kinh tế có độ mở cao, Việt Nam không tránh khỏi tác động bất lợi từ bối cảnh nêu trên. Mặc dù vậy, với định hướng chiến lược của Đảng, Nhà nước và các động lực mang tính nền tảng dài hạn, kinh tế Việt Nam được kỳ vọng sẽ vẫn đảm bảo được sự ổn định và duy trì tốc độ tăng trưởng tích cực so với các nền kinh tế có trình độ phát triển tương đồng trên thế giới trong giai đoạn 2026 - 2030. Các động lực cho sự ổn định và phát triển của kinh tế Việt Nam có thể kể đến như sau:

- **Phát triển khu vực kinh tế tư nhân:** Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/05/2025 theo đó kinh tế tư nhân được xem là động lực quan trọng nhất của nền kinh tế và định hướng đến năm 2030, kinh tế tư nhân có tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 10 – 12%/năm; đóng góp khoảng 55 – 58% GDP (hiện tại đang khoảng 50% GDP), khoảng 35 – 40% tổng thu NSNN (hiện đang khoảng hơn 30%). Như vậy, về mặt điều hành, kinh tế tư nhân đang được định hướng trở thành khu vực dẫn dắt nền kinh tế trong giai đoạn 2026 – 2030, các thay đổi về định hướng, chính sách sẽ được điều chỉnh nhằm hỗ trợ khu vực này, tạo điều kiện cho một môi trường kinh doanh thông thoáng, thuận lợi và minh bạch. Kỳ vọng khi các điểm nghẽn về thể chế trong hoạt động sản xuất kinh doanh được giải quyết (2025 – đầu 2026) cùng với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp hoàn thiện cơ sở pháp lý và đồng bộ (2026 – 2027), khu vực kinh tế tư nhân sẽ là một trong những mũi nhọn chính đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng 2 con số trong giai đoạn 2026 – 2030 của Việt Nam.
- **Xuất khẩu và chuỗi cung ứng:** Mặc dù chính sách thuế quan của Mỹ gây ra bất lợi đối với hoạt động thương mại toàn cầu, hàng hóa của Việt Nam vẫn duy trì được sức cạnh tranh so với các đối thủ truyền thống trên cơ sở mức thuế không có sự chênh lệch đáng kể. Bên cạnh đó, Việt Nam vẫn có những lợi thế mang tính dài hạn như vị trí địa lý thuận lợi, chi phí nhân công thấp và có năng lực cạnh tranh, các chính sách ưu đãi của Chính phủ Việt Nam

(đất, thuế, thủ tục...), mức độ hội nhập kinh tế sâu rộng thể hiện qua việc ký kết được nhiều hiệp định thương mại tự do,...

- **Đầu tư công và phát triển hạ tầng:** Trong kế hoạch phát triển giai đoạn 2026 – 2030 của Việt Nam, đầu tư công cũng được xem là một trong các động lực quan trọng nhất cho tăng trưởng kinh tế. Theo dự kiến của Chính phủ, tổng nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 – 2030 của các bộ, ngành, địa phương là khoảng 8,22 triệu tỷ đồng (gấp gần 3 lần so với 2,87 triệu tỷ đồng kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025). Như vậy, quy mô vốn đầu tư công của Việt Nam sẽ có xu hướng tăng trưởng qua từng năm và có thể đóng góp vào tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm ở mức 20% - 30% nhờ các hiệu ứng trực tiếp và lan tỏa gián tiếp.
- **Tầng lớp trung lưu và tiêu dùng :** Theo ước tính tại thời điểm năm 2024 (WB), tầng lớp trung lưu tại Việt Nam (hộ gia đình có thu nhập bình quân 15 tr VND/tháng) chỉ chiếm khoảng 25% dân số. Tuy nhiên, đến năm 2030, tầng lớp trung lưu có thể đạt tỷ lệ 50% dân số. Tầng lớp trung lưu này có xu hướng chi tiêu nhiều hơn vào hàng hóa, dịch vụ và tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế trong nước. Với sự tăng trưởng của tầng lớp trung lưu, tỷ lệ tiêu dùng nội địa/GDP của Việt Nam có thể tăng từ mức 51% năm 2024 lên mức 60% năm 2030, xấp xỉ mức bình quân của khu vực Asean (61,7%). Sự phát triển của tầng lớp trung lưu cũng là một trong những cơ hội chiến lược để Việt Nam chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế từ phụ thuộc xuất khẩu sang cân bằng hơn với nhu cầu trong nước.

Về chính sách tiền tệ giai đoạn tới được dự báo sẽ tiếp tục vận hành một cách linh hoạt và chủ động, với định hướng bảo đảm các cân đối vĩ mô để ổn định kinh tế kết hợp với chính sách tài khóa mở rộng. Cụ thể, chủ trương điều hành lãi suất ổn định, tránh các biến động lớn, đảm bảo thanh khoản cho hệ thống, cùng với đó là kiểm soát tỷ giá linh hoạt. Chính sách tài khóa như đã đề cập thông qua các hoạt động đầu tư công phục vụ các dự án quốc gia. Bội chi NSNN và nợ công có thể sẽ tiếp tục gia tăng nhưng trong ngưỡng an toàn (< 65% GDP).

Dự báo một số chỉ tiêu vĩ mô

Chỉ tiêu kinh tế	2020 – 2024A	2025E	2026 – 2030F
Tăng trưởng GDP trung bình	5,66%	8,02%	>10% (*)
Tốc độ tăng CPI	3,02%	3,31%	4-5%
Tổng VĐT toàn xã hội/GDP	33,6%	32,3%	40%
Nợ công so với GDP	36,5%	35,5%	>45%
Tăng trưởng tín dụng bình quân	13,7%	19,1%	16- 20%

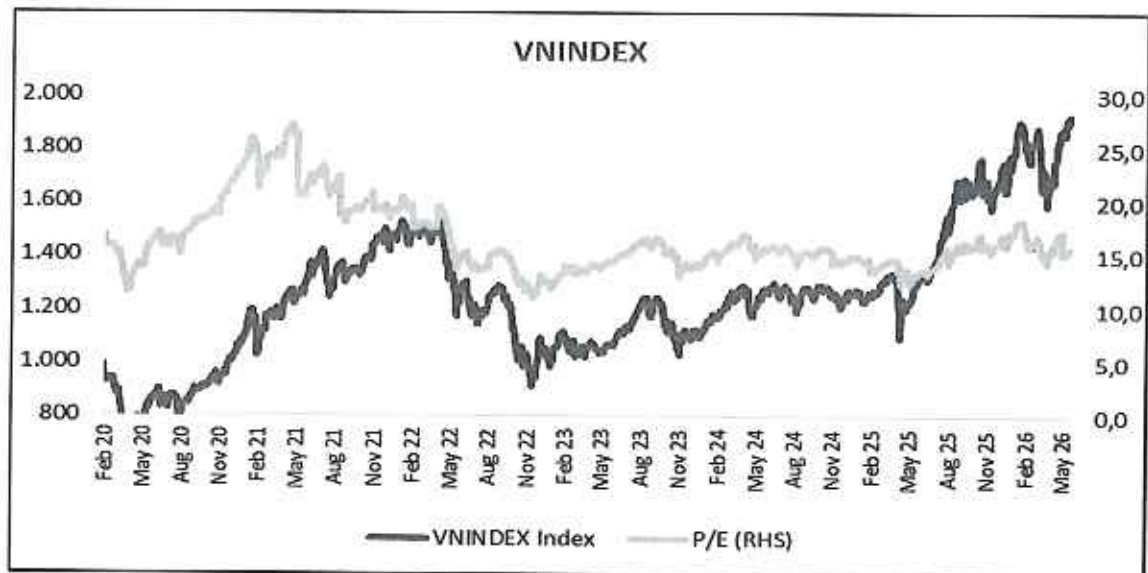
Nguồn: GSO, BVF tổng hợp và dự báo; (*) Nghị quyết 252/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc Hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Ngoài các yếu tố thuận lợi kể trên, thách thức đối với Việt Nam là phải giám sát chặt chẽ và có biện pháp phù hợp để ứng phó kịp thời với những biến động tiêu cực của kinh tế thế giới như sự bất định gia tăng trong chính sách thuế quan của Mỹ, căng thẳng thương mại; giá cả hàng hóa

tăng do gián đoạn chuỗi cung ứng, thiếu hụt nguồn cung nguyên vật liệu; sự tăng tốc của lĩnh vực công nghệ toàn cầu,...

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư thị trường cổ phiếu Việt Nam

Không nằm ngoài diễn biến chung của thị trường chứng khoán thế giới (TTCK), TTCK Việt Nam đã chứng kiến một số thời điểm có biến động mạnh trong vài năm trở lại đây. Mặc dù vậy, xét về dài hạn, TTCK Việt Nam vẫn là một kênh đầu tư hiệu quả không chỉ cho nhà đầu tư trong nước mà còn cho nhà đầu tư nước ngoài. Nhìn chung, xu hướng tăng điểm dài hạn của TTCK vẫn được giữ vững kể từ khi thành lập đến nay, quy mô thị trường cũng như số lượng hàng hóa và nhà đầu tư tăng dần qua từng giai đoạn.



Nguồn: Bloomberg, BVF tổng hợp

Trong giai đoạn sắp tới, TTCK Việt Nam đã sẵn sàng cho một giai đoạn tăng trưởng mới với nhiều yếu tố hỗ trợ quan trọng, cụ thể như sau:

- Như đã đề cập tại phần trên, với các động lực mang tính nền tảng dài hạn, điểm sáng trong kinh tế vĩ mô của Việt Nam đủ sức chống chịu với những rủi ro của kinh tế thế giới và có thể phục hồi nhanh chóng khi kinh tế thế giới ổn định trở lại. Kinh tế tăng trưởng tốt đi kèm theo đó là hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp là nền tảng quan trọng nhất để TTCK tăng trưởng bền vững.
- Các quy định về pháp luật, hành lang pháp lý rõ ràng, minh bạch; các hoạt động quản lý, kiểm tra, giám sát trên TTCK nhằm kịp thời phát hiện và ngăn chặn và xử lý các hành vi gây ảnh hưởng tới lợi ích nhà đầu tư, góp phần củng cố niềm tin của nhà đầu tư khi tham gia thị trường.
- TTCK Việt Nam đã thu hút được cơ sở nhà đầu tư đa dạng, bao gồm nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư chuyên nghiệp ở cả trong nước và nước ngoài. Tính đến hết Quý 1/2026, số tài khoản của nhà đầu tư cá nhân trong nước đạt khoảng 12,7 triệu tài khoản, tương đương khoảng 12,4% dân số, hoàn thành sớm mục tiêu đạt mốc 11 triệu tài khoản vào năm 2030 theo Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán được Chính phủ phê duyệt thời điểm cuối năm 2023.
- Ngày 8/10/2025, FTSE Russell đã chính thức công bố nâng hạng TTCK Việt Nam từ thị trường cận biên (Frontier Market) sang nhóm mới nổi thứ cấp (Secondary Emerging Market)

có hiệu lực từ ngày 21/9/2026 và xác nhận việc phân loại lại thị trường vào ngày 7/4/2026 trong kỳ đánh giá nửa năm. Với kết quả tích cực này, kỳ vọng TTCK Việt Nam có thể thu hút thêm từ 3,5 – 5 tỷ USD vốn ngoại chảy vào thị trường từ các quỹ đầu tư chủ động và bị động. Việc nâng hạng không chỉ là thành quả chứng minh cho sự phát triển của TTCK mà còn là khởi đầu cho một bước tiến mới trong tương lai.

IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Các thông tin chung về Công ty Quản lý Quỹ

1.1. Thông tin cơ bản

- Tên công ty:	Tiếng Việt: Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt Tiếng Anh: Bao Viet Fund Management Co Ltd. Viết tắt: BVF
- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán	Số 05/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) ban hành ngày 08/11/2005 và các điều chỉnh bổ sung của Giấy phép này
- Trụ sở chính:	Tầng 12, Tòa nhà Pacific Place, Số 83B Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội
- Địa chỉ VPĐD	Tầng 4, Số 233 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, TP.HCM
- Vốn điều lệ:	100 tỷ đồng
- Điện thoại:	(84-24) 3 928 9589
- Fax	(84-24) 3 928 9590
- Website:	http://www.baovietfund.com.vn

1.2. Giới thiệu về pháp nhân sở hữu Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt

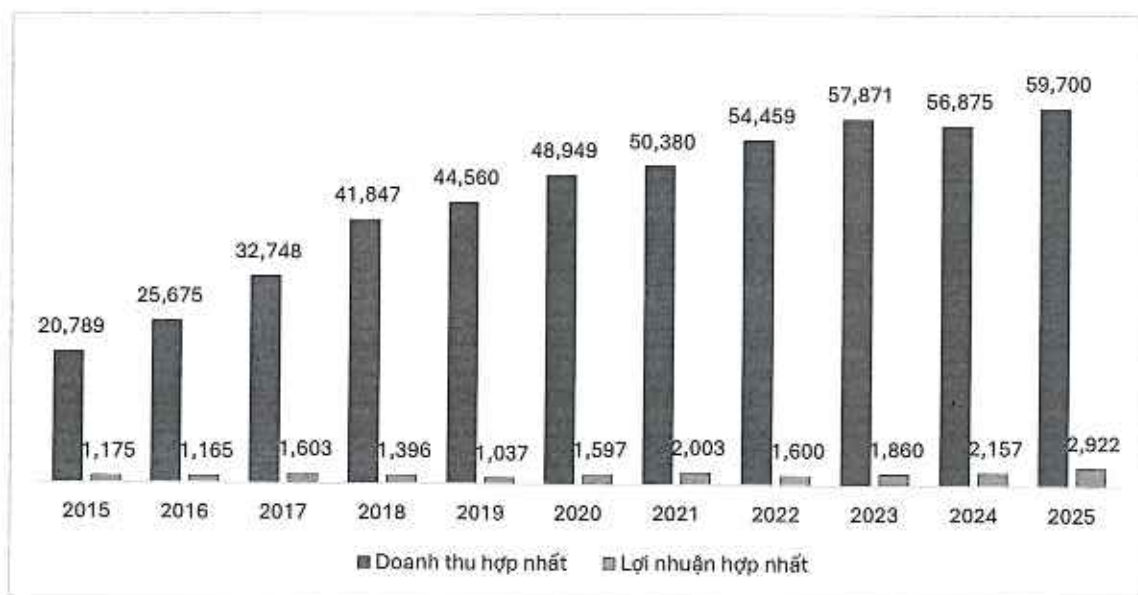
Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt là đơn vị thành viên do Tập đoàn Bảo Việt (*Bảo Việt*) đầu tư 100% vốn điều lệ.

- *Vị thế khác biệt và vượt trội:*

Là Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, Bảo Việt có lịch sử lâu đời với hơn 60 năm phát triển, thương hiệu uy tín hàng đầu thị trường, đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm trên thị trường tài chính bảo hiểm với 6.500 cán bộ, 300.000 đại lý và tư vấn viên. Mạng lưới phân phối quy mô lớn, gồm 160 chi nhánh, hơn 1.000 phòng giao dịch bao phủ rộng khắp các tỉnh thành của Việt Nam. Là Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm kinh doanh đa dạng trong các lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, nhân thọ, quản lý quỹ, chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác, dẫn đầu thị trường về lĩnh vực bảo hiểm với doanh thu phí gốc bảo hiểm phi nhân thọ đạt 12.920 tỷ đồng và tổng doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ đạt 45.260 tỷ đồng năm 2025.

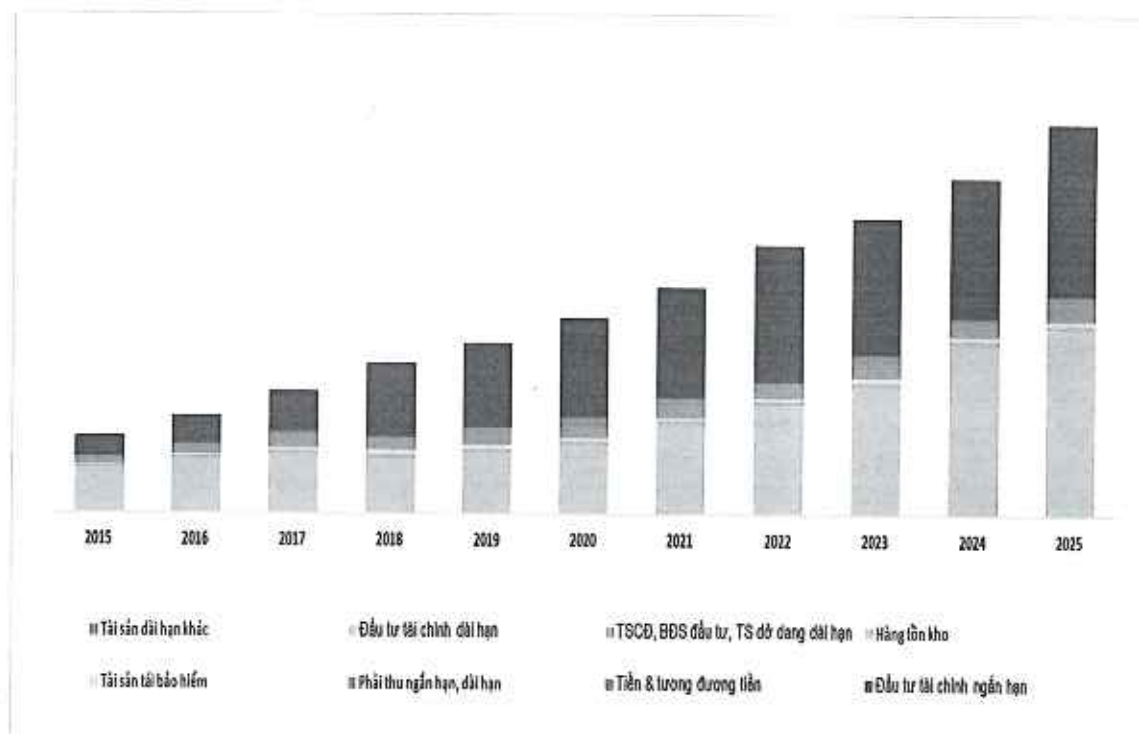
Tổng doanh thu và lợi nhuận hợp nhất giai đoạn 2015 - 2025

Đơn vị: tỷ đồng



Tài sản hợp nhất giai đoạn 2015 – 2025

Đơn vị: tỷ đồng



Nguồn: BCTC hợp nhất BVH, BVF tổng hợp

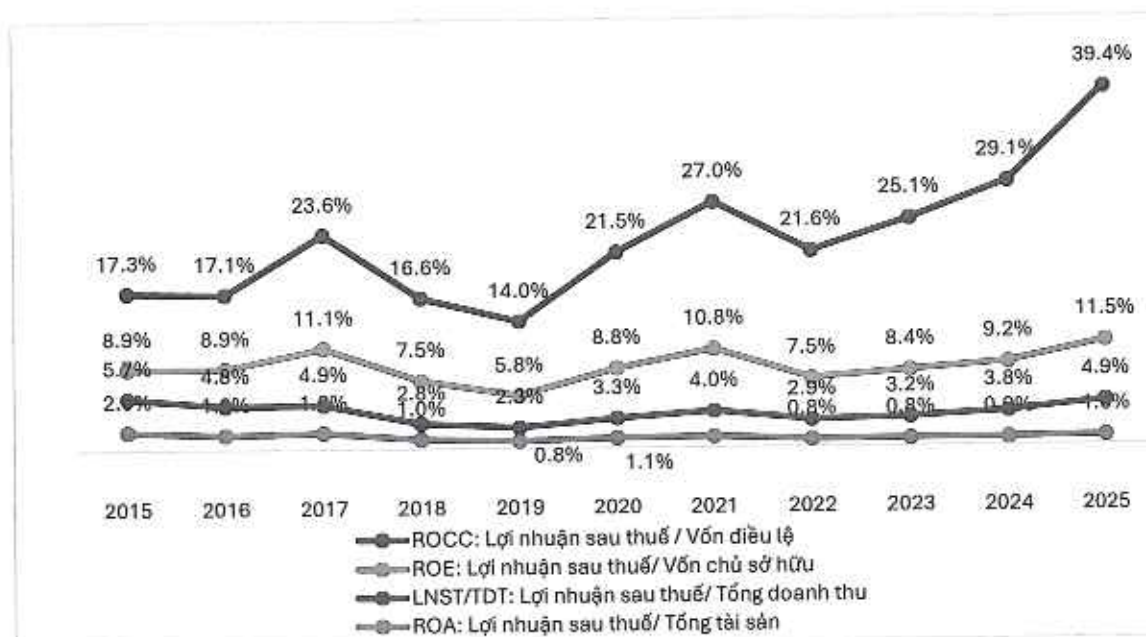
- Tiềm năng tăng trưởng lớn:

Bảo Việt đã xây dựng nền tảng tạo đà cho sự tăng trưởng bền vững trong tương lai và chuẩn bị sẵn sàng khai thác các cơ hội to lớn trên thị trường tài chính bảo hiểm Việt Nam. Kết quả kinh doanh tăng trưởng bền vững, hiệu quả Bảo Việt đạt kết quả tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận

ổn định vững chắc qua các năm trên các mảng bảo hiểm - đầu tư - dịch vụ tài chính. Trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều thách thức, Bảo Việt vẫn duy trì khả năng sinh lời ở mức khả quan.

Khả năng sinh lời

Đơn vị: %



Nguồn: BCTC hợp nhất BVH, BVF tổng hợp

ƯU THẾ CẠNH TRANH CỦA BẢO VIỆT

- Tập đoàn bảo hiểm hàng đầu và lâu đời nhất tại Việt Nam;
- Tập đoàn bảo hiểm tài chính quy mô lớn hàng đầu tại Việt Nam;
- Thương hiệu lớn và uy tín, chiếm được lòng tin của khách hàng và được biết đến rộng rãi trên khắp cả nước;
- Tiềm lực tài chính mạnh, sở hữu quỹ đất lớn, quy mô vốn và tài sản hàng đầu trong các tập đoàn tài chính, bảo hiểm;
- Cơ sở khách hàng lớn, phân khúc khách hàng đa dạng;
- Năng lực phát triển sản phẩm hàng đầu Việt Nam, có khả năng cung cấp dịch vụ tài chính trọn gói, đa dạng;
- Mạng lưới phủ khắp cả nước mà không công ty bảo hiểm nào tại Việt Nam so sánh được;

1.3. Giới thiệu về cơ cấu Hội đồng Thành viên (HĐTV) Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt

Bà Trần Thị Diệu ❖ Trình độ chuyên môn:

Hằng

Chủ tịch HĐQTV

- Cử nhân Kinh tế Bảo hiểm – Đại học Kinh tế quốc dân.
- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh – Trường Đại học IMPAC.

❖ **Kinh nghiệm làm việc:**

- 31 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính bảo hiểm.
- Trưởng phòng Quản lý, giám sát bảo hiểm phi nhân thọ - Cục quản lý, giám sát bảo hiểm – Bộ Tài chính từ tháng 12/2007 đến 02/2015.
- Trưởng phòng Phát triển thị trường, Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm – Bộ Tài chính từ tháng 02/2015 đến 30/04/2015.
- Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ, Giám đốc Khối Kiểm tra – Kiểm toán nội bộ - Tập đoàn Bảo Việt từ tháng 06/2018 đến 10/04/2021.
- Thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt từ tháng 06/2018 đến nay.
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt từ tháng 08/2018 đến 10/04/2021.
- Phụ trách Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt từ 24/08/2022 đến 29/06/2023.
- Thành viên Hội đồng thành viên, Phụ trách Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ từ 03/2024 đến 11/2024.
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ từ 11/2024 đến 03/04/2026.
- Quyền Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt từ 11/2024 đến 09/02/2026.
- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt từ 10/02/2026 đến nay.
- Tổng Giám đốc Công ty Bảo Việt Nhân thọ kể từ ngày 03/04/2026 đến nay.
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt kể từ ngày 26/03/2026 đến nay.

**Bà Nguyễn
Quỳnh Anh**

Thành viên HĐQTV

❖ **Trình độ chuyên môn:**

- Cử nhân Quản trị kinh doanh – Đại học Công đoàn.
- Thạc sĩ tài chính – Trường Solvay Brussels về Kinh tế và Quản trị.

❖ **Kinh nghiệm làm việc:**

- Kiểm toán viên – Phòng Kiểm toán nội bộ, Ngân hàng TMCP Bảo Việt từ 16/05/2011 đến 25/09/2013.
- Kiểm soát viên – Ban Tài chính Kế toán, Ngân hàng TMCP Bảo Việt từ 25/09/2013 đến 17/03/2014.
- Phó Giám đốc Ban Tài chính Kế toán, Ngân hàng TMCP Bảo Việt từ 17/03/2014 đến 08/12/2014.
- Quyền Kế toán trưởng – Ban Tài chính Kế toán, Ngân hàng TMCP Bảo Việt từ 08/12/2014 đến 23/10/2018.
- Giám đốc Khối Quản lý Tài chính kiêm Kế toán trưởng – Khối Quản lý Tài chính, Ngân hàng TMCP Bảo Việt.
- Giám đốc điều hành kiêm Giám đốc Khối Quản lý Tài chính kiêm Kế toán trưởng – Khối Quản lý Tài chính, Ngân hàng TMCP Bảo Việt từ 29/11/2019 đến nay.
- Phụ trách HĐQT Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt từ 10/12/2025 đến ngày 26/03/2026.

**Ông Nguyễn
Xuân Việt**

Thành viên HĐQT

❖ **Trình độ chuyên môn:**

- Kỹ sư Công nghệ chế tạo máy – Đại học Bách khoa Hà Nội
- Cử nhân Quản trị kinh doanh thương mại – văn bằng 2 – Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
- Chứng chỉ Học viên sĩ quan dự bị – Trường Sĩ quan Chỉ huy Kỹ thuật Phòng Không.

❖ **Kinh nghiệm làm việc:**

- 28 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm.
- Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt từ tháng 5/2015 đến tháng 01/2018.
- Quyền Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt từ tháng 01/2018 đến tháng 8/2018.
- Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt từ tháng 08/2018 đến 2024.
- Giám đốc Khối Chiến lược và Đầu tư từ 01/07/2024 đến 02/10/2024.
- Quyền Tổng giám đốc Tập đoàn Bảo Việt từ ngày 27/11/2024 đến 10/02/2026.
- Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt từ ngày

10/02/2026 đến nay..

Ông Nguyễn Đình An
Thành viên HĐQTV

❖ **Trình độ chuyên môn**

- Thạc sĩ Kinh tế Tài chính – Đại học Staffordshire, Anh Quốc
- Cử nhân Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân
- Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ - Ủy ban Chứng khoán nhà nước

❖ **Kinh nghiệm làm việc**

- Hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đầu tư tài chính.
- Trưởng Ban Thư ký Tổng hợp, Tập đoàn Bảo Việt từ 11/2016 đến 01/2017.
- Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt từ tháng 1/2017 tới nay.
- Quyền Tổng Giám Đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt từ tháng 1/2017 tới tháng 7/2018.
- Tổng Giám Đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt từ tháng 7/2018 tới 10/2024.
- Quyền Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt từ ngày 29/06/2023 đến 27/11/2024.
- Phó Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Bảo Việt từ ngày 27/11/2024 đến 07/2025.
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt từ tháng 07/2024 đến tháng 4/2025.
- Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt từ ngày 29/06/2020 đến nay.

**Ông Nguyễn
Thừa Nhật**
Thành viên HĐQT

❖ **Trình độ chuyên môn:**

- Cử nhân Kinh tế Đầu tư – Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
- Cử nhân Luật – văn bằng 2 – Đại học Luật Hà Nội.

❖ **Kinh nghiệm làm việc:**

- 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng tài chính.
- Giám đốc điều hành, phụ trách Khối Pháp chế và Tuân thủ Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Hội sở chính từ tháng 11/2019 đến tháng 09/2020.
- Giám đốc điều hành kiêm Giám đốc Khối Quản lý rủi ro Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Hội sở chính từ tháng 09/2020.
- Phó Giám đốc Khối Hoạt động – Tập đoàn Bảo Việt từ tháng 01/2024 đến 09/2024.
- Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ từ tháng 10/2024.
- Thành viên Hội đồng quản trị, Tập đoàn Bảo Việt từ tháng 12/2024 đến nay.
- Quyền Tổng Giám Đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt từ tháng 10/2024 tới 2/2025. Tổng Giám Đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt từ tháng 2/2025 tới nay.
- Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt từ tháng 04/2025 đến nay.
- Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt từ tháng 07/2025 đến 10/02/2026.
- Quyền Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt Kể từ ngày 10/02/2026 đến nay

1.4. Giới thiệu về Ban điều hành Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt

Ông Nguyễn Thừa Nhật
Tổng Giám đốc

Xem thông tin tại phần trên

1.5. Giới thiệu về Quản lý danh mục

Ông Trình Minh Trí ❖ **Trình độ chuyên môn:**

- Cử nhân Công nghệ Thông tin - Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia TP HCM.
- Chứng chỉ hành nghề quản lý Quỹ – Ủy ban Chứng khoán nhà nước.

- Chuyên gia phân tích tài chính (CFA).

❖ **Kinh nghiệm làm việc:**

- Hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kiểm toán - đầu tư.
- Trợ lý & Trưởng nhóm Kiểm toán, Công ty TNHH KPMG Việt Nam từ tháng 08/2011 đến tháng 10/2013.
- Chuyên viên Phân tích, CTCP Quản lý quỹ đầu tư MB từ tháng 05/2014 đến tháng 01/2016.
- Chuyên viên Phân tích, Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt từ tháng 01/2016 đến tháng 03/2023.
- Quản lý Danh mục, Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt từ tháng 03/2023 đến tháng 12/2025.
- Quản lý Danh mục Quỹ, Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt từ 12/2025 đến nay.

Ông Nguyễn Đức Lương

❖ **Trình độ chuyên môn:**

- Cử nhân Tài chính Ngân hàng – Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội
- Chứng chỉ hành nghề quản lý Quỹ – Ủy ban Chứng khoán nhà nước.

❖ **Kinh nghiệm làm việc:**

- Hơn 16 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đầu tư, trong đó có hơn 08 năm kinh nghiệm quản lý danh mục đầu tư của quỹ đầu tư.
- Chuyên viên đầu tư quỹ Asiavantage Global Limited từ tháng 10/2009 đến tháng 09/2014.
- Chuyên viên thẩm định và đầu tư dự án, Ban Đầu tư, Tập đoàn Bảo Việt từ tháng 02/2015 đến tháng 08/2015.
- Quản lý danh mục, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt, từ tháng 9/2015 đến tháng 12/2025.
- Quản lý danh mục Quỹ, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt, từ tháng 12/2025 đến nay.

2. Các thông tin về tình hình hoạt động của Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt

2.1. Tổng quan về Công ty Quản lý Quỹ.

Được thành lập từ tháng 11/2005 với số vốn điều lệ hiện tại là 100 tỷ đồng, Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt cung cấp các dịch vụ quản lý danh mục đầu tư, lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán cho nhiều công ty bảo hiểm lớn và các tổ chức có nhu cầu đầu tư tài chính trên thị trường. Hoạt động đầu tư của Công ty luôn hướng tới các chuẩn mực an toàn, hiệu quả và tăng trưởng bền vững. Do đó, tổng tài sản quản lý của công ty có mức tăng bình quân khoảng 17.6%/năm trong vòng 10 năm qua. Kể từ khi được thành lập đến nay, Công ty luôn là một trong hai công ty quản lý quỹ của Việt Nam có giá trị tài sản quản lý dẫn đầu thị trường. Tại thời điểm 31/12/2025, tổng tài sản quản lý của Công ty đạt 155.704 tỷ đồng.

Hiện tại Công ty đang quản lý 06 danh mục đầu tư cho các nhà đầu tư tổ chức lớn trên thị trường,

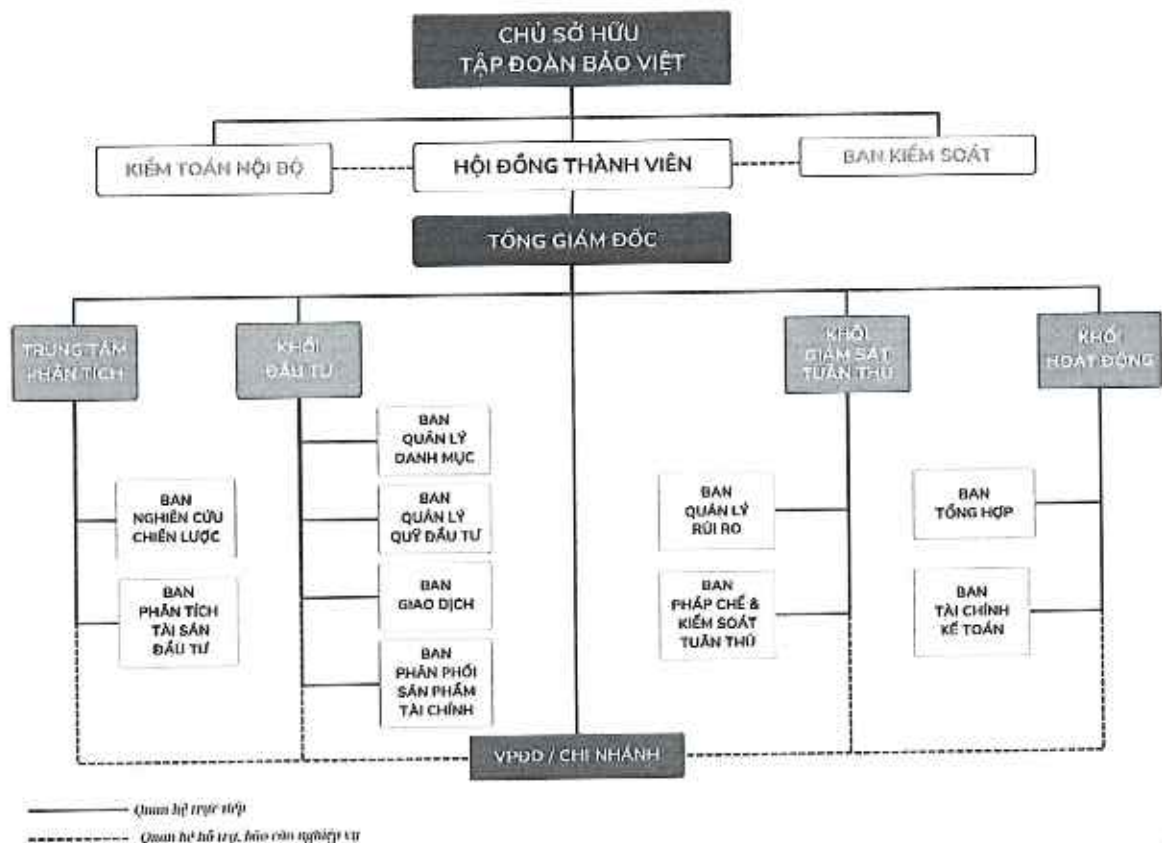
03 quỹ mở, 01 quỹ ETF và 01 quỹ thành viên. Các quỹ mở của Công ty là các quỹ mở đầu tiên trên thị trường triển khai hình thức nhận lệnh điện tử, tạo sự thuận lợi tối đa cho khách hàng khi tham gia đầu tư.

BAO VIET FUND

- Là một trong 3 trụ cột của Tập đoàn Bảo Việt, thực hiện các hoạt động đầu tư từ nguồn dự phòng phí bảo hiểm cho các đơn vị thành viên.
- Là một nhà đầu tư lớn, chuyên nghiệp và chủ động trên thị trường, đặc biệt với hoạt động đầu tư trái phiếu.
- Có quan hệ hợp tác chặt chẽ, lâu dài với nhiều đối tác lớn trong và ngoài nước.
- Mô hình quản trị hiện đại, chuyên nghiệp theo các chuẩn mực quốc tế.
- Các quy định, quy trình cho mọi hoạt động đã được xây dựng đầy đủ, phù hợp yêu cầu và thực tế của thị trường Việt Nam.
- Nhân sự chất lượng cao, nhiều kinh nghiệm và am hiểu thị trường.
- Nền tảng công nghệ thông tin hiện đại.

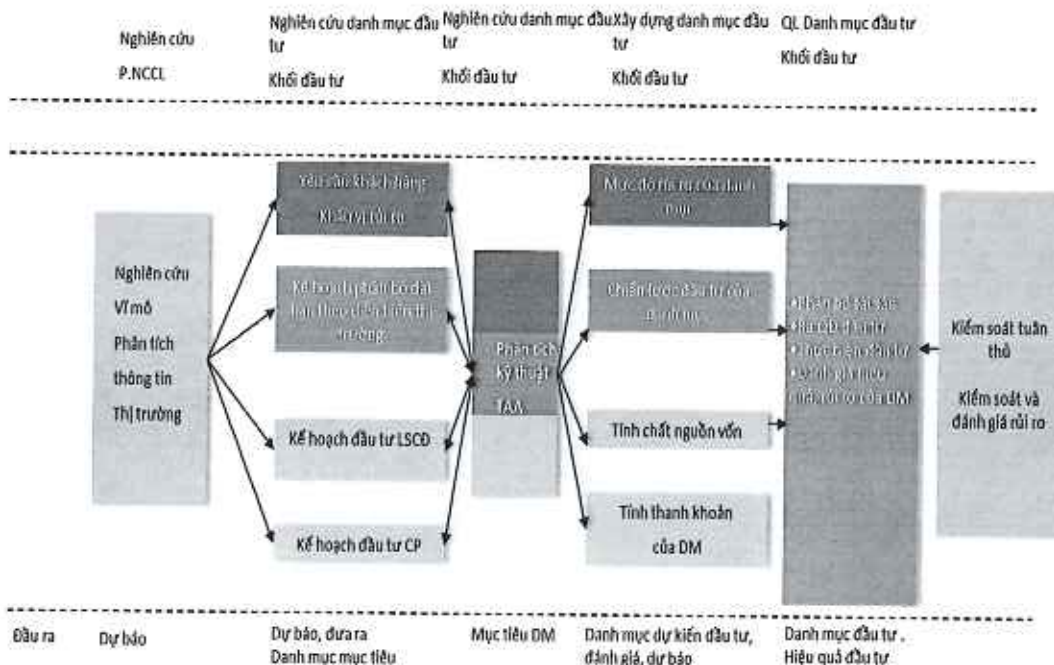
So với các công ty quản lý quỹ đang hoạt động trên thị trường Việt Nam, Công ty có các ưu điểm đã được khẳng định như sau:

- *Mô hình quản trị doanh nghiệp hiện đại, theo chuẩn quốc tế, hướng tới khách hàng:*



- **Nhân sự chất lượng cao, đội ngũ chuyên gia đầu tư giàu kinh nghiệm:**
 - Số năm kinh nghiệm bình quân của cán bộ là trên 16 năm.
 - Hơn 47% cán bộ là thạc sỹ các chuyên ngành liên quan.
 - 12,3% cán bộ đạt chứng chỉ CFA.
- **Hoạt động đầu tư được vận hành hiệu quả:**
 - Điều hành danh mục do các cán bộ có kinh nghiệm, kỹ năng tốt và am hiểu thị trường.
 - Hạn mức, mục tiêu và tiêu chí đầu tư được thiết lập rõ ràng trên cơ sở thống nhất với khách hàng nên các kỷ luật đầu tư được thực hiện nghiêm túc.
 - Các quy định, quy trình, hướng dẫn đầu tư được thiết lập đầy đủ. Cán bộ quản lý các danh mục luôn được hỗ trợ đầy đủ bởi các báo cáo, thông tin cung cấp từ bộ phận phân tích, giao dịch để đảm bảo công tác điều hành danh mục được thực hiện một cách có hiệu quả.
 - Các mô hình áp dụng cho công tác phân tích, định giá, xếp hạng tín nhiệm, hỗ trợ công tác ra các quyết định đầu tư được xây dựng đầy đủ.

Kiểm soát nội bộ, kiểm soát tuân thủ thực hiện việc kiểm soát trước, trong và sau giao dịch, đảm bảo tuân thủ các quy định và hạn chế đầu tư. Công tác đánh giá hiệu quả đầu tư được thực hiện độc lập với Khối Đầu tư theo các tiêu chuẩn, tiêu chí, mẫu biểu thống nhất với khách hàng.



2.2. Kết quả kinh doanh của Công ty Quản lý Quỹ trong 5 năm gần đây:

Với những nền tảng được xây dựng vững chắc, nên trước điều kiện thị trường còn nhiều biến động và những khó khăn chung của ngành quản lý quỹ, Công ty vẫn đạt được kết quả kinh doanh ổn định và khả quan, cụ thể như sau:

- Tổng tài sản quản lý của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 là 155.704 tỷ đồng và là một trong hai công ty quản lý quỹ có tổng tài sản quản lý lớn nhất thị trường.
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ trong giai đoạn 5 năm trung bình đạt 61,11%.

Đơn vị: tỷ đồng

Chi tiêu	2021	2022	2023	2024	2025
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	105,95	123,56	142,89	161,48	186,36
Doanh thu từ hoạt động tài chính	9,1	9,1	14,4	14,3	12,6
Lợi nhuận trước thuế	49,7	64,7	80,0	91,0	96,5
Lợi nhuận sau thuế	42,8	51,7	63,9	72,6	76,9

Lưu ý: Các thông tin về hoạt động của Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt trong quá khứ không có hàm ý đảm bảo cho khả năng hoạt động của công ty trong tương lai

2.3. Các quỹ do Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt đang quản lý

2.3.1. Quỹ đầu tư cổ phiếu năng động Bảo Việt (BVFED)

Quỹ đầu tư cổ phiếu năng động Bảo Việt được thành lập vào tháng 01/2014, là quỹ mở đầu tiên trên thị trường lựa chọn chiến lược đầu tư chủ động. Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động theo đó tỷ trọng của các loại tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ sẽ được điều chỉnh linh hoạt để nắm bắt kịp thời các cơ hội đầu tư trên thị trường cổ phiếu và thị trường lãi suất cố định căn cứ vào sự vận động tương đối giữa hai thị trường, đặc biệt trong khoảng thời gian trung – dài hạn. Quỹ BVFED cũng là quỹ mở đầu tiên trên thị trường áp dụng hình thức giao dịch điện tử, tạo sự thuận tiện tối đa cho nhà đầu tư khi tham gia giao dịch.

2.3.2. Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt (BVIF)

Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt được thành lập vào tháng 10/2015 dưới dạng quỹ thành viên với mức vốn điều lệ là 1.000 tỷ đồng. Hiện tại, Quỹ BVIF là một trong những quỹ thành viên có vốn điều lệ lớn nhất trên thị trường Việt Nam. Ban đầu, Quỹ BVIF ra đời với mục đích đón đầu xu hướng M&A, hoạt động cổ phần hóa và thoái vốn doanh nghiệp Nhà nước, nắm bắt cơ hội từ luồng vốn đầu tư mới do hiệu ứng từ quy định nói "room" và đàm phán Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) thành công. Hiện nay, chiến lược đầu tư của BVIF là ưu tiên thực hiện đầu tư vào nhóm cổ phiếu giá trị hoặc tăng trưởng thông qua hoạt động phân tích, đánh giá doanh nghiệp; ưu tiên đầu tư kỳ hạn ngắn và trung hạn nhằm đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội Nhà đầu tư phê duyệt hàng năm; ưu tiên tập trung đầu tư vào các cổ phiếu của các doanh nghiệp đã niêm yết/đăng ký giao dịch đảm bảo thanh khoản. Ngoài ra, tùy thuộc vào điều kiện thị trường, Quỹ cũng sẽ thực hiện đầu tư linh hoạt vào các loại công cụ nợ với tỷ lệ khác nhau theo quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan để tối đa hóa lợi nhuận cho các Thành viên.

2.3.3. Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bảo Việt (BVBFI)

Quỹ Đầu tư Trái Phiếu Bảo Việt được thành lập vào tháng 04/2016 dưới dạng quỹ mở, tập trung đầu tư vào các loại tài sản có độ an toàn cao như trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu doanh nghiệp có độ tín nhiệm cao, tiền gửi, công cụ thị trường tiền tệ và các tài sản đầu tư lãi suất cố định khác. Nhà đầu tư mục tiêu của Quỹ BVBF là các nhà đầu tư có mức độ chấp nhận rủi ro thấp, có xu hướng tìm kiếm một kênh đầu tư an toàn, ổn định. Quỹ BVBF là sản phẩm quỹ mở thứ hai của BVF và nằm trong kế hoạch phát triển chuỗi sản phẩm quỹ đầu tư công chúng để đáp ứng nhu cầu đa dạng của các nhà đầu tư trên thị trường.

2.3.4. Quỹ Đầu tư Cổ phiếu triển vọng Bảo Việt (BVPF)

Thông tin chi tiết tại Bản Cáo bạch này.

2.3.5. Quỹ hoán đổi danh mục ETF BVFVN DIAMOND (BVFVND)

Quỹ hoán đổi danh mục ETF BVFVN DIAMOND (BVFVND) được thành lập vào tháng 06/2023 và chính thức niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HoSE) vào ngày 11/08/2023. Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động trên cơ sở mô phỏng chỉ số VN Diamond – Chỉ số Kim cương Việt Nam với rủi ro cổ phiếu đầu ngành và mức tăng trưởng vượt trội so với các chỉ số còn lại như VN30, VN-Index.

V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- Tên ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành
 - Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần mười hai (12) ngày 16/06/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
 - Giấy phép hoạt động lưu ký: Số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp
 - Địa chỉ Trụ sở đăng ký: Số 74 Thợ Nhuộm, phường Cửa Nam, Hà Nội
 - Điện thoại: (84-24) 3 9411840
 - Fax: (84-24) 3 9411847
 - Lĩnh vực hoạt động chính:
 - (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ;
 - (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện.
 - (iii) các dịch vụ khác được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền thực hiện theo các điều khoản của Hợp đồng giám sát.
- VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN** Hàng năm, Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất ít nhất 02 (hai) công ty kiểm toán theo các điều kiện quy định tại

Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch này cho Đại hội Nhà đầu tư xem xét và lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ.

- VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ:** Danh sách Đại lý phân phối và các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ được quy định cụ thể tại Phụ lục 3 của Bản Cáo bạch này. *Lưu ý: Nhà đầu tư có quyền mở tài khoản và giao dịch Chứng chỉ quỹ tại nhiều Đại lý phân phối được công bố tại Bản cáo bạch. Nhà đầu tư cần lưu ý tài khoản giao dịch tại các Đại lý phân phối khác nhau là độc lập nhau.*

VIII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN

- Tên tổ chức: Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam
- Giấy phép thành lập và hoạt động: Quyết định số 26/2022/QĐ-TTg ngày 16/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ
- Địa chỉ Trụ sở đăng ký: Số 112 đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84-24) 3 9747113
- Fax: (84-24) 3 9747120
- Hoạt động ủy quyền: Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng

IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ

1. Thông tin chung về Quỹ

1.1. Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ

- Tên Quỹ đầu tư : **Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng Bảo Việt.**
- Loại hình quỹ: Quỹ mở
- Tên giao dịch:
 - o Bằng tiếng Việt: Quỹ Đầu tư Cổ phiếu triển vọng Bảo Việt
 - o Bằng tiếng Anh: Bao Viet Prospect Equity Open-Ended Fund
 - o Tên viết tắt: BVPF
- Địa chỉ liên hệ: Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt, Tầng 12 tòa nhà Pacific Place, số 83B Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội.

1.2. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán: Số 23/GCN-UBCK ngày 11 tháng 11 năm 2016

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ: Số 24/GCN-UBCK ngày 29 tháng 12 năm 2016

2. Điều lệ quỹ cập nhật

2.1. Các điều khoản chung

2.1.1. Tên và địa chỉ liên hệ

- Tên Quỹ đầu tư : **Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng Bảo Việt.**
- Loại hình quỹ: **Quỹ mở**
- Tên giao dịch:
 - o **Bằng tiếng Việt** **Quỹ Đầu tư Cổ phiếu triển vọng Bảo Việt**
 - o **Bằng tiếng Anh** **Bao Viet Prospect Equity Open-Ended Fund**
 - o **Tên viết tắt** **BVPF**
- Địa chỉ liên hệ: **Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt, Tầng 12 số 83B phố Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội.**

2.1.2. Thời hạn hoạt động của Quỹ:

Không giới hạn. Thay đổi về thời hạn hoạt động của Quỹ sẽ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư.

2.1.3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

1. Quồng t tài chính về việc Hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán./11/2019 và các văn bviệc Hướng dẫn hoạt, các văn b các văn bviệc Hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng k/11/2020 và Thông tư shông tư b các shông tư b các văn bviệ29/12/2025 c025 /tư b các văn bviệc Hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ tài chính về việc Hướng dẫn về hoạt động
2. Cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ là Đại hội Nhà đầu tư.
3. Ban Đại diện Quỹ do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát đồng thời thực thi các quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật.
4. Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt được Đại hội Nhà đầu tư chỉ định để quản lý hoạt động của Quỹ phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản khác có liên quan.
5. Ngân hàng Giám sát cung cấp dịch vụ giám sát hoạt động của Quỹ, do Công ty Quản lý Quỹ đề xuất và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

2.1.4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán

1. Vốn Điều lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ là **85.288.000.000 đồng** (tám mươi lăm tỷ, hai trăm tám mươi tám triệu đồng). Số vốn này được chia thành **8.528.800 chứng chỉ quỹ** (tám triệu năm trăm hai mươi tám nghìn tám trăm) với mệnh giá của mỗi chứng chỉ quỹ là mười nghìn (10.000) đồng.
2. Tiền mua Chứng chỉ Quỹ được chuyển vào Tài khoản tiền của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát.
3. Việc thay đổi giá trị tài sản huy động tối đa hoặc số lượng chứng chỉ huy động tối đa phải do Đại hội nhà đầu tư quyết định và phải thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2.1.5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ

Đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng.

2.1.6. Công ty Quản lý Quỹ

Tên công ty:	- Tiếng Việt: Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt - Tiếng Anh: Bao Viet Fund Management Co Ltd. - Viết tắt: BVF
Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán	Số 05/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08/11/2005 và các điều chỉnh bổ sung của Giấy phép này
Trụ sở chính:	Tầng 12, Tòa nhà Pacific Place, Số 83B Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội
Điện thoại	(84-24) 3 928 9589
Fax	(84-24) 3 928 9590
Địa chỉ VPĐD	Tầng 4, 233 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, TP.HCM
Vốn điều lệ:	100 tỷ đồng

2.1.7. Ngân hàng Giám sát

Tên ngân hàng:	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành
Giấy phép thành lập và hoạt động:	Số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần mười hai (12) ngày 16/06/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
Giấy phép hoạt động lưu ký:	Số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do UBCKNN cấp
Địa chỉ Trụ sở đăng ký:	Số 74 Thợ Nhuộm, phường Cửa Nam, Hà Nội
Điện thoại:	(84-24) 3 941 1840
Fax:	(84-24) 3 941 1847

2.1.8. Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng, Quản trị quỹ đầu tư

Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng, Quản trị quỹ đầu tư cho Quỹ và được Công ty Quản lý Quỹ quy định cụ thể trong bản cáo bạch.

2.2. Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế

2.2.1. Mục tiêu đầu tư

Quý hướng tới mục tiêu tạo ra lợi nhuận có tính chất bền vững, dài hạn cho nhà đầu tư trên cơ sở khai thác hiệu quả cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp có nền tảng hoạt động tốt và triển vọng phát triển tại Việt Nam.

2.2.2. Chiến lược đầu tư

1. Quý sẽ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động (active), trong đó tập trung đầu tư vào các cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam dựa trên phương pháp phân tích cơ bản (fundamental analysis - FA). Cổ phiếu được lựa chọn đầu tư phải đáp ứng các tiêu chí đầu tư của Công ty Quản lý quỹ, đảm bảo phản ánh chính xác các yếu tố cốt lõi trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Cổ phiếu của các doanh nghiệp mà Công ty Quản lý quỹ có lợi thế thông tin, có quá trình theo dõi, cập nhật liên tục sẽ được ưu tiên. Trong quá trình đầu tư, các yếu tố thị trường của cổ phiếu có thể được xem xét và đóng vai trò hỗ trợ đối với việc ra quyết định đầu tư.

Quý tìm kiếm cơ hội đầu tư đối với cả cổ phiếu tăng trưởng (growth stocks) và cổ phiếu giá trị (value stocks), không giới hạn về quy mô vốn hóa của cổ phiếu, để lựa chọn được các cơ hội đầu tư tối ưu, mang lại hiệu quả đầu tư cao nhất cho Quý. Phương pháp đầu tư được sử dụng chủ yếu là phương pháp tiếp cận từ trên xuống (top – down approach), các cổ phiếu sẽ được ưu tiên mua và nắm giữ (buy and hold) trong khoảng thời gian trung - dài hạn. Tuy nhiên, tùy thuộc vào biến động của thị trường trong ngắn hạn, Công ty Quản lý quỹ sẽ xem xét thực hiện linh hoạt các giải pháp để gia tăng hiệu quả đầu tư.

2. Tài sản được phép đầu tư của Quý bao gồm:
 - a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - c) Công cụ nợ của Chính phủ; trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; trái phiếu chính quyền địa phương;
 - d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;
 - e) Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư 136/2025/TT-BTC tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quý thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ 02 mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với

cùng 01 trái phiếu hoặc cùng 01 tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư 136/2025/TT-BTC;

- f) Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ;
- g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ;
- h) Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán và được thanh toán bằng tiền.

3. Cơ cấu tài sản mục tiêu của Quỹ như sau:

Tài sản	Tỷ trọng (*)	Ghi chú
Cổ phiếu	51% – 100%	<i>Cơ cấu tài sản mang tính định hướng. Tùy thuộc vào tình hình thị trường, Công ty Quản lý Quỹ sẽ thay đổi cơ cấu tài sản của danh mục đầu tư để đảm bảo đạt được mục tiêu đầu tư của Quỹ.</i>
Các tài sản được phép đầu tư khác	0% – 49%	

(*) *Tính trên tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ.*

- 4. Công ty Quản lý Quỹ chủ động quyết định cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ căn cứ điều kiện thị trường và các cơ hội đầu tư, đảm bảo mục tiêu đầu tư, hạn chế đầu tư và các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ Quỹ.
- 5. Quỹ được phép đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề không bị cấm theo quy định pháp luật. Công ty Quản lý quỹ chủ động lựa chọn lĩnh vực, ngành nghề đầu tư phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ căn cứ theo các điều kiện thị trường và các cơ hội đầu tư.

2.2.3. Các hạn chế đầu tư

- 1. Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh quy định tại điểm f khoản 2 Điều 10 Điều lệ Quỹ phải đảm bảo đáp ứng các quy định sau:
 - a) Quỹ đang nắm giữ tối thiểu 50% số lượng mã chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của chứng khoán phái sinh;
 - b) Giá trị cam kết của các hợp đồng chứng khoán phái sinh dùng để phòng ngừa rủi ro không vượt quá 50% tổng giá trị danh mục chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của quỹ.
 - c) Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh phải được thực hiện theo quy trình sử dụng chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro do công ty quản lý quỹ xây dựng, được Ban đại diện quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho ngân hàng giám sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình phải quy định phương pháp định lượng xác định hệ số tương quan về rủi ro biến động giữa danh mục chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của quỹ với tài sản cơ sở của chứng khoán phái sinh; hệ số tương quan phải được xác định trước khi đầu tư vào chứng khoán phái sinh.
- 2. Việc đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 2 Điều 10 Điều lệ Quỹ phải đáp ứng

các điều kiện sau:

- a) Đã được ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
 - b) Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán hoặc có cam kết mua lại trước hạn thì phải có tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.
 - c) Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm thì phải có báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất, báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật, tài liệu về thời hạn thực hiện hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và bậc xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát;
 - d) Việc đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ phải được thực hiện theo quy trình quản lý rủi ro do công ty quản lý quỹ xây dựng, được Ban đại diện quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho ngân hàng giám sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình tối thiểu bao gồm các nội dung về tiêu chí lựa chọn trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ, tiêu chí lựa chọn tổ chức phát hành, cách thức đánh giá, đo lường rủi ro và phương pháp quản lý các rủi ro.
 - e) Trong trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm e khoản 2 Điều 10 Điều lệ Quỹ hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm, công ty quản lý quỹ phải bán các trái phiếu đó trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật hoặc kể từ ngày kết thúc xếp hạng tín nhiệm, trừ trường hợp trái phiếu có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống.
3. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo các hạn mức đầu tư dưới đây:
- a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại Điểm a, b, Khoản 2, Điều 10 tại Điều lệ Quỹ;
 - b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
 - c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b khoản 2, Điều 10 tại Điều lệ Quỹ của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ
 - d) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại Điểm a, b, d, e, f, và h Khoản 2, Điều 10 tại Điều lệ Quỹ được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh là giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định của pháp luật liên quan; phần đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm tính bằng tổng giá trị đầu tư của

quỹ vào chứng quyền có bảo đảm của tổ chức phát hành chứng quyền;

- e) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại Điểm e, Khoản 2, Điều 10 tại Điều lệ Quỹ, trong đó, không được đầu tư quá 5% tổng giá trị tài sản của quỹ vào cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch bị hạn chế chuyển nhượng từ 03 năm trở lên.

Trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại Điểm e, Khoản 2, Điều 10 tại Điều lệ Quỹ hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán, quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại Điểm e, Khoản 2, Điều 10 tại Điều lệ Quỹ và vào các trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại Điểm e, Khoản 2, Điều 10 tại Điều lệ Quỹ hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán;

- f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó hạng mục đầu tư lớn của quỹ là hạng mục đầu vào các loại tài sản quy định tại điểm b, d, e, g và h khoản 2, Điều 10 tại Điều lệ Quỹ (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của quỹ.
- g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- h) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của quỹ BVPF.
- i) Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của Công ty quản lý quỹ.
- j) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và đảm bảo các hạn chế sau:
- Không đầu tư quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- k) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- l) Phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành.
- m) Không được đầu tư quá 5% tổng số chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành của một mã chứng quyền có bảo đảm.
4. Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại điểm a, b, c, d, e, f, j tại Khoản 3, Mục 2.2.3 và chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:
- a) Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - b) Do thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư.
 - c) Do hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;

- d) Do quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;
 - e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.
5. Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn chế đầu tư theo quy định tại Khoản 3, Mục 2.2.3 trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại điểm a, b, c, d Khoản 4, Mục 2.2.3 và Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước .
 6. Trường hợp sai lệch do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.
 7. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.
 8. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm a, b khoản 2, Điều 10 Điều lệ Quỹ tại các ngân hàng thương mại trong danh sách đã được Ban Đại Diện quỹ phê duyệt.

2.2.4. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
2. Công ty Quản lý Quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí, giá dịch vụ cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với Nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ, không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
3. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.
4. Quỹ được thực hiện giao dịch mua bán lại (repo) Công cụ nợ của chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch Công cụ nợ của chính phủ.

2.2.5. Phương pháp lựa chọn đầu tư

1. Phương pháp lựa chọn đầu tư với tài sản là Tiền gửi, Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng: công ty Quản lý Quỹ chủ động thực hiện đầu tư các tài sản này trên cơ sở danh sách và hạn mức đầu tư tiền gửi và công cụ thị trường tiền tệ (nếu

có) tại các ngân hàng thương mại được Ban Đại Diện quỹ phê duyệt.

2. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với tài sản có thu nhập cố định là Công cụ nợ của chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp: Căn cứ nhận định về xu hướng vận động của cấu trúc kỳ hạn của lãi suất trái phiếu, Công ty quản lý Quỹ sẽ lựa chọn các trái phiếu để đầu tư với các tiêu chí ưu tiên như kỳ hạn còn lại của trái phiếu, tính thanh khoản, rủi ro tín dụng...
3. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với Cổ phiếu: Các cổ phiếu được lựa chọn dựa trên nền tảng cốt lõi là phân tích cơ bản (*fundamental analysis – FA*) thông qua quy trình sàng lọc cổ phiếu kỹ càng và chặt chẽ theo phương pháp tiếp cận từ trên xuống (*top – down approach*). Các yếu tố có thể được xem xét trong quá trình đầu tư bao gồm:
 - Tình hình kinh tế vĩ mô, trong đó đánh giá tác động của những nhân tố kinh tế vĩ mô (*lạm phát, lãi suất...*) và nhân tố phi kinh tế (*chính trị, xã hội...nếu có*) ảnh hưởng đến hoạt động của ngành cũng như các công ty trong ngành, qua đó xác định được những ngành/công ty có tiềm năng trong môi trường kinh tế hiện tại.
 - Đánh giá sự tương quan giữa các ngành/công ty để phân bổ nguồn vốn hiệu quả cho từng ngành/công ty có nền tảng cơ bản tốt và có triển vọng phát triển vững chắc phù hợp với tiêu chí đầu tư của Quỹ.

Phương pháp này có tính liên kết, nhất quán và an toàn phù hợp với điều kiện thị trường cổ phiếu Việt Nam hiện tại. Các tiêu chí sàng lọc sơ bộ (*screening*) đối với cổ phiếu giá trị và cổ phiếu tăng trưởng sẽ được thay đổi linh hoạt dựa trên những đánh giá của Công ty Quản lý quỹ về điều kiện thị trường và cơ hội đầu tư trong từng giai đoạn với mục đích tối đa hóa lợi nhuận cho nhà đầu tư.

4. Phương pháp lựa chọn đầu tư với tài sản là chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán: Căn cứ vào đánh giá về điều kiện thị trường và nhận định về xu hướng vận động của tài sản cơ sở, Công ty quản lý Quỹ sẽ lựa chọn các chứng khoán phái sinh để đầu tư nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho danh mục.
5. Phương pháp lựa chọn đầu tư với tài sản là chứng chỉ quỹ đại chúng: Căn cứ nhận định về xu hướng vận động của chứng chỉ quỹ đại chúng, Công ty Quản lý quỹ sẽ lựa chọn chứng chỉ quỹ đại chúng với các tiêu chí ưu tiên như tính thanh khoản, mức sinh lời, rủi ro biến động giá trị tài sản...

2.2.6. Hình thức giao dịch tài sản

1. Các giao dịch mua, bán chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán cho quỹ phải được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tập trung của Sở Giao dịch Chứng khoán.
2. Đối với các giao dịch vào các tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán), Công ty Quản lý Quỹ phải bảo đảm:
 - a) Được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban đại diện quỹ về khoảng giá dự kiến, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch;
 - b) Trường hợp mức giá thực tế mua cao hơn hoặc giá bán thực tế thấp hơn giá tham chiếu

của tổ chức cung cấp báo giá hoặc giá tham chiếu trung bình của các tổ chức cung cấp báo giá hoặc vượt quá khoảng giá đã được chấp thuận theo quy định tại Điểm a Khoản này, Công ty Quản lý Quỹ phải giải thích để Ban đại diện Quỹ quyết định.

3. Công ty Quản lý Quỹ phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban đại diện Quỹ về khoảng giá dự kiến, khoảng thời gian thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch đối với các giao dịch hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi được thực hiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày được Ban đại diện Quỹ chấp thuận và phải tuân thủ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

2.2.7. Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng

1. Nguyên tắc chung:

- a. Ngày định giá là Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại Bản Cáo bạch và ngày tính toán giá trị tài sản ròng phục vụ công tác báo cáo (đối với trường hợp định giá NAV để thực hiện báo cáo). Công ty quản lý quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của quỹ. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ
- b. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho ngân hàng giám sát xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng được tính chính xác và phù hợp sổ tay định giá, Điều lệ Quỹ và các quy định pháp luật.
- c. Giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ phải được Ngân hàng Giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan điều chỉnh kịp thời trong vòng hai mươi bốn (24) giờ.
- d. Giá trị tài sản ròng của quỹ phải được xác định tại ngày định giá và được công bố trên các trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố giá trị tài sản ròng cho Nhà đầu tư thực hiện tại ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá. Nội dung thông tin về giá trị tài sản ròng thực hiện theo mẫu quy định của Phụ lục XXIV ban hành kèm theo thông tư 98/2020/TT-BTC.

2. Phương pháp:

- a. Giá trị tài sản ròng (NAV) là Tổng giá trị các tài sản đầu tư của Quỹ trừ đi Tổng các nghĩa vụ nợ có liên quan (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ giám sát, lãi vay ngân hàng nếu có...) tại ngày liền trước Ngày định giá.
- b. Tổng giá trị các tài sản đầu tư của Quỹ:
Tham khảo Phụ lục 4. Phương pháp xác định giá trị tài sản
- c. Giá trị đơn vị Quỹ (NAV/CCQ):

$$V = \frac{NAV}{N}$$

Trong đó:

- V: giá trị tài sản ròng trên 01 (một) Chứng chỉ Quỹ tại ngày định giá.
 - N: Tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ gần nhất trước Ngày định giá.
- d. Giá trị tài sản ròng trên 01 (một) Chứng chỉ Quỹ tại ngày định giá khi dùng để phân bổ Chứng chỉ Quỹ cho các lệnh giao dịch được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

2.3. Đặc trưng của Chứng chỉ Quỹ đầu tư

2.3.1. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư của Quỹ có thể là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu ít nhất là 01 chứng chỉ quỹ trở lên. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.
2. Nhà đầu tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư tổ chức ký.

2.3.2. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 101 Luật Chứng khoán.
 - b) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
 - c) Quyền tự do chuyển nhượng chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;
 - d) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của quỹ;
 - e) Quyền và nghĩa vụ tham gia các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);
 - f) Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chỉ quỹ trong thời hạn quy định tại Điều lệ quỹ, Báo cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ;
 - g) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ quỹ.
2. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ quỹ có các quyền sau đây:
 - a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính năm và báo cáo của ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của quỹ;
 - b) Yêu cầu công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư bất thường trong các trường

hợp sau:

- Có căn cứ xác thực về việc công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát vi phạm quyền của nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho quỹ;
 - Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;
 - Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.
- c) Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của quỹ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải trả lời nhà đầu tư;
- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty quản lý quỹ chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc;
- e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.
3. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban đại diện quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.
4. Yêu cầu, kiến nghị của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2, 3, Mục 2.3.2 phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, Số định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với nhà đầu tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng nhà đầu tư, tổng số chứng chỉ quỹ của cả nhóm nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường theo quy định tại điểm b khoản 2, Mục 2.3.2, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát.

2.3.3. Sổ đăng ký sở hữu Chứng chỉ Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan lập sổ đăng ký Nhà đầu tư chính (sổ chính) hoặc ủy quyền đại lý ký danh lập, quản lý sổ đăng ký nhà đầu tư phụ (sổ phụ) và xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư. Sổ đăng ký nhà đầu tư của Quỹ có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.
2. Sổ đăng ký nhà đầu tư phải có các thông tin sau:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của ngân hàng giám sát; tên đầy đủ của quỹ;
 - b) Tổng số chứng chỉ quỹ được quyền chào bán, tổng số chứng chỉ quỹ đã bán và tổng vốn huy động được cho quỹ.
 - c) Danh sách nhà đầu tư: họ tên, Số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực hoặc

chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức), số tài khoản hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh, mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với nhà đầu tư nước ngoài).

d) Số lượng Đơn vị Quỹ sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua, ngày thanh toán

e) Ngày lập sổ đăng ký nhà đầu tư.

3. Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà đầu tư, kể cả Nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của Nhà đầu tư trên Sổ chính, kể cả Nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh, là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư. Quyền sở hữu của Nhà đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà đầu tư được cập nhật tại Sổ chính.

Lưu ý: Ở thời điểm hiện tại, Chứng chỉ Quỹ chưa được phân phối thông qua hình thức Đại lý phân phối ký danh. Căn cứ nhu cầu của Nhà đầu tư và khả năng của các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Công ty Quản lý Quỹ sẽ triển khai việc phân phối Chứng chỉ Quỹ thông qua Đại lý phân phối ký danh và công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi triển khai theo quy định của pháp luật.

2.3.4. Quyền biểu quyết của Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có quyền biểu quyết là pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện Nhà đầu tư, nhóm Nhà đầu tư sở hữu Chứng chỉ Quỹ có quyền biểu quyết của Quỹ vào ngày chốt danh sách cổ đông, được quyền tham dự Đại hội Nhà đầu tư thường niên và Đại hội Nhà đầu tư bất thường.
2. Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội nhà đầu tư đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả các Nhà đầu tư tham dự bằng Thẻ biểu quyết theo số Chứng chỉ Quỹ sở hữu và đại diện. Mỗi Nhà đầu tư được cấp 01 Thẻ biểu quyết, trong đó ghi tên Nhà đầu tư/đại diện được ủy quyền, số Chứng chỉ Quỹ có quyền biểu quyết (sở hữu và ủy quyền) của Nhà đầu tư có đóng dấu treo của Công ty Quản lý Quỹ.
3. Nhà đầu tư có quyền thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình tại Đại hội Nhà đầu tư. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết. Cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

2.3.5. Các trường hợp hợp nhất, sáp nhập, thanh lý, giải thể Quỹ và quyền của Nhà đầu tư trong trường hợp thanh lý, giải thể Quỹ

1. Quy định chung về giải thể Quỹ

a. Việc giải thể quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:

- Kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ quỹ;
- Đại hội nhà đầu tư quyết định giải thể quỹ trước khi kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán;
- Công ty Quản lý Quỹ bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán hoặc bị giải thể, phá sản mà Ban Đại diện Quỹ không xác lập được Công ty Quản lý Quỹ thay thế trong thời hạn 02 (hai) tháng, kể từ ngày phát sinh

sự kiện;

- Ngân hàng Giám sát bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán, bị giải thể, phá sản hoặc hợp đồng giám sát giữa ngân hàng giám sát và công ty quản lý quỹ bị chấm dứt mà Công ty Quản lý Quỹ không xác lập được Ngân hàng Giám sát thay thế trong thời hạn 02 (hai) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới 10 (mười) tỷ liên tục trong 06 (sáu) tháng;
- Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ quỹ và pháp luật.

b. Việc thanh lý giải thể Quỹ phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

2. Hợp nhất, sáp nhập quỹ

- a. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.
- b. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

3. Chia, tách quỹ

- a. Điều kiện chia, tách quỹ bao gồm:
 - Được Đại hội nhà đầu tư thông qua việc chia, tách
 - Các quỹ hình thành sau khi chia, tách phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 1, Điều 108 Luật chứng khoán;
 - Các quỹ hình thành sau khi chia, tách phải được giám sát bởi ngân hàng giám sát.
- b. Việc chia, tách quỹ phải được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Quyền của nhà đầu tư trong trường hợp thanh lý, giải thể quỹ

- a. Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm thanh lý tài sản và phân chia tài sản quỹ cho Nhà đầu tư theo phương án thanh lý, giải thể quỹ đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua, phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ. Thời hạn thanh lý tài sản, phân chia tài sản cho nhà đầu tư được thực hiện theo phương án giải thể nhưng không quá 02 năm kể từ ngày giải thể quỹ. Quá thời hạn nêu trên, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát thực hiện hoàn trả danh mục cho nhà đầu tư theo quy định tại khoản b dưới đây
- b. Công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát hoàn trả danh mục của quỹ cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư. Việc hoàn trả danh mục cho nhà đầu tư phải đảm bảo:
 - Quỹ đảm bảo thanh toán các nghĩa vụ theo quy định và thứ tự tại điểm a, b khoản 4 Điều 104 Luật chứng khoán;
 - Danh mục hoàn trả cho nhà đầu tư phải đầy đủ loại tài sản, cơ cấu theo danh mục của quỹ;
 - Trong trường hợp là chứng khoán đăng ký, lưu ký tập trung, việc chuyển giao tài sản cho nhà đầu tư được công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát thực hiện theo hướng dẫn của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

- Trường hợp là các tài sản phải đăng ký sở hữu khác, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát có trách nhiệm yêu cầu tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức phát hành, tổ chức quản lý sở cổ đông đăng ký sở hữu tài sản cho nhà đầu tư. Việc hoàn trả hoàn tất khi nhà đầu tư đã được đăng ký sở hữu tài sản.

2.4. Cơ chế giao dịch Chứng chỉ Quỹ

2.4.1. Quy trình nhận lệnh bán

1. Nhà đầu tư điền đầy đủ các thông tin vào Phiếu lệnh và chuyển tới Đại lý phân phối để xử lý hoặc điền thông tin trên hệ thống nhận lệnh trực tuyến của Đại lý phân phối. Lệnh bán chỉ được thực hiện khi Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan bảo đảm Nhà đầu tư có đủ số lượng Chứng chỉ Quỹ để bán theo yêu cầu.
2. Lệnh bán có thể không thực hiện, hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều 19, Điều lệ Quỹ.
3. Số lượng Chứng chỉ Quỹ đối với một lệnh bán có thể có số lẻ ở dạng thập phân tới số hạng thứ hai (02) sau dấu phẩy.
4. Giá trị thanh toán cho Nhà đầu tư khi bán Chứng chỉ Quỹ được xác định theo công thức:

$$T = R \times V \times (1 - \text{Giá dịch vụ mua lại (\%)}) - \text{Thuế, phí, giá dịch vụ phát sinh}$$

(nếu có)

Trong đó:

T: Giá trị thanh toán cho Nhà đầu tư;

R: Số lượng Chứng chỉ Quỹ đã bán thành công;

V: Giá trị tài sản ròng trên một (01) Chứng chỉ Quỹ tại ngày giao dịch.

5. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ nhưng không quá ngày giao dịch chứng chỉ quỹ tiếp theo, Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan có trách nhiệm cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu giao dịch của nhà đầu tư tại sổ chính và gửi Nhà đầu tư bản xác nhận giao dịch theo mẫu quy định của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước..
6. Việc thanh toán được thực hiện dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng đứng tên Nhà đầu tư đã được đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà đầu tư hoặc tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư do nhà đầu tư chỉ định.
Lưu ý: Các chi phí, giá dịch vụ và thuế phát sinh (nếu có) trong quá trình chuyển tiền cho Nhà đầu tư từ tài khoản của Quỹ sẽ được khấu trừ vào Giá trị thanh toán cho Nhà đầu tư.
7. Thời hạn thanh toán là không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ trừ trường hợp quy định tại Điều 19 Điều lệ Quỹ.
8. Công ty Quản lý Quỹ được chuyển giao một phần danh mục đầu tư thay cho việc thanh toán bằng tiền cho Nhà đầu tư. Việc chuyển giao danh mục đầu tư phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - i. Chỉ thực hiện khi Công ty Quản lý Quỹ xét thấy là cần thiết để không ảnh hưởng tiêu cực tới giá trị tài sản ròng của Quỹ. Việc thực hiện phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện và phải báo cáo Đại hội Nhà đầu tư gần nhất;

- ii. Được Nhà đầu tư (*bên nhận chuyển giao*) chấp thuận bằng văn bản;
 - iii. Chỉ thực hiện đối với lệnh bán có tổng giá trị thanh toán vượt quá năm mươi (50) tỷ đồng;
 - iv. Cơ cấu danh mục chuyển giao cho Nhà đầu tư phải hoàn toàn giống cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ;
 - v. Thủ tục và thời gian chuyển giao tài sản cho Nhà đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
9. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận đảm bảo việc chuyển giao danh mục đầu tư phù hợp với quy định tại điểm (8) nói trên.

2.4.2. Quy trình nhận lệnh mua

1. Trường hợp giao dịch trên tài khoản của Nhà đầu tư, Nhà đầu tư thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản tiền của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát theo quy định của pháp luật có liên quan dưới các hình thức sau:

- i. Chuyển khoản;
- ii. Nộp tiền mặt đến tài khoản của Quỹ tại ngân hàng giám sát;
- iii. Các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật theo hướng dẫn tại Bản cáo bạch (nếu có);

Trường hợp giao dịch trên tiểu khoản của Nhà đầu tư, Nhà đầu tư nộp tiền vào tài khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ của Đại lý ký danh mở tại ngân hàng giám sát.

Lưu ý: Phí chuyển tiền và thuế phát sinh (nếu có) do Nhà đầu tư tự thanh toán.

2. Nhà đầu tư điền đầy đủ các thông tin vào Phiếu lệnh và chuyển tới Đại lý phân phối hoặc điền thông tin trên hệ thống nhận lệnh trực tuyến của Đại lý phân phối để xử lý. Lệnh mua được gửi kèm xác nhận việc Nhà đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ hoặc được Ngân hàng Giám sát xác nhận đã nhận được đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư thông qua văn bản, thư điện tử hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của ngân hàng giám sát đã được công ty quản lý quỹ chấp thuận. Đối với Đại lý ký danh, việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ được thực hiện trên cơ sở giá trị chênh lệch giữa lệnh mua và lệnh bán, thời hạn thanh toán thực hiện theo quy định tại hợp đồng giữa Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý ký danh.
3. Số lượng Chứng chỉ Quỹ bán cho Nhà đầu tư được xác định theo công thức:

$$S = \frac{M * (1 - \text{Giá dịch vụ phát hành (\%)})}{V}$$

Trong đó:

S: Số lượng Chứng chỉ Quỹ bán cho Nhà đầu tư;

M: Giá trị đặt mua Chứng chỉ Quỹ hợp lệ;

V: Giá trị tài sản ròng trên 01 (một) Chứng chỉ Quỹ tại Ngày giao dịch.

4. Số lượng Chứng chỉ Quỹ bán cho Nhà đầu tư có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
5. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ nhưng không quá ngày giao dịch chứng chỉ quỹ tiếp theo, Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan có trách nhiệm cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu giao dịch của nhà đầu tư tại sổ chính và gửi Nhà đầu tư bản xác nhận giao dịch theo mẫu quy định của Ủy

Ban chứng khoán Nhà nước.

2.4.3. Quy trình nhận lệnh chuyển đổi

1. Nhà đầu tư có thể chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ thuộc sở hữu sang chứng chỉ của quỹ mở khác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
2. Lệnh chuyển đổi được thực hiện theo các nguyên tắc sau:
 - i. Lệnh bán đối với chứng chỉ quỹ bị bán được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện lệnh mua chứng chỉ của quỹ mục tiêu;
 - ii. Các lệnh được thực hiện tại các ngày giao dịch chứng chỉ của các quỹ tương ứng;
 - iii. Nhà đầu tư chỉ phải thanh toán giá dịch vụ chuyển đổi, không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ phát hành đối với các lệnh giao dịch nói trên.

Lưu ý:

- *Phí chuyển tiền, thuế giao dịch phát sinh trong quá trình chuyển đổi (nếu có) sẽ được khấu trừ vào số tiền thu được từ lệnh bán trong giao dịch chuyển đổi;*
- *Thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ mục tiêu sẽ được tính từ ngày lệnh chuyển đổi được thực hiện;*

2.4.4. Hủy lệnh giao dịch

1. Nhà đầu tư chỉ được phép hủy lệnh giao dịch trước thời điểm đóng sổ lệnh (việc hủy lệnh phải thực hiện bằng hình thức văn bản gửi đến Đại lý phân phối hoặc thực hiện trên hệ thống giao dịch điện tử của Đại lý phân phối).
2. Các trường hợp lệnh giao dịch không hợp lệ trong ngày T:
 - a) Lệnh nhận được sau thời điểm đóng sổ lệnh;
 - b) Tiền mua Chứng chỉ Quỹ chưa có tại tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát trong ngày T – 1 (giao dịch qua Đại lý phân phối);
 - c) Tiền mua Chứng chỉ Quỹ được chuyển vào tài khoản tiền của Quỹ không theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 18 Điều lệ Quỹ;
 - d) Tiền mua Chứng chỉ Quỹ nhận được thấp hơn giá trị đã đăng ký tại lệnh mua và Đại lý phân phối không thực hiện các thủ tục điều chỉnh trước thời gian quy định của Đại lý chuyển nhượng.
 - e) Đại lý phân phối không nhập lệnh vào hệ thống của Đại lý chuyển nhượng theo đúng quy định của Đại lý chuyển nhượng. Trong trường hợp này, Đại lý phân phối có trách nhiệm thống nhất với Nhà đầu tư về phương án xử lý.

2.4.5. Hoàn trả tiền

1. Trường hợp tiền mua Chứng chỉ Quỹ nhận được cao hơn giá trị đã đăng ký tại Phiếu đăng ký mua, lệnh mua sẽ được thực hiện với giá trị đã đăng ký tại Phiếu đăng ký mua và phần tiền còn thừa sẽ được hoàn trả vào tài khoản đã đăng ký của Nhà đầu tư sau khi trừ đi các chi phí chuyển tiền phát sinh (nếu có).
2. Trường hợp hủy, sửa lệnh giao dịch, phần tiền không thực hiện lệnh sẽ được hoàn trả vào tài khoản đã đăng ký của Nhà đầu tư sau khi trừ đi các chi phí chuyển tiền phát sinh (nếu có) trừ trường hợp quy định tại mục 3 dưới đây.
3. Trường hợp tiền mua Chứng chỉ Quỹ nhận được không xác định được lệnh đăng ký mua đi kèm hoặc thông tin Nhà đầu tư tại nội dung chuyển tiền không khớp với thông tin Nhà đầu tư trên tài khoản giao dịch, các khoản tiền này sẽ được chuyển trả về ngân hàng đã chuyển tiền để hoàn trả cho đối tượng chuyển tiền sau khi trừ đi các chi phí, giá dịch vụ phát sinh (nếu

có).

4. Thời hạn hoàn trả đối với tất cả các trường hợp nói trên là trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

2.4.6. Chương trình đầu tư định kỳ

1. Nhà đầu tư có thể thực hiện mua Chứng chỉ Quỹ theo Chương trình đầu tư định kỳ theo đó Nhà đầu tư cam kết và thực hiện mua Chứng chỉ Quỹ với một số tiền tối thiểu định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý trong một khoảng thời gian đăng ký với Công ty Quản lý Quỹ;
2. Thông tin về Chương trình đầu tư định kỳ sẽ được quy định cụ thể tại Bản Cáo bạch;

2.4.7. Các trường hợp tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ, thực hiện một phần lệnh giao dịch

1. Công ty Quản lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - a) Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả các lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn hoặc bằng năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của Quỹ; hoặc
 - b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của nhà đầu tư dẫn tới:
 - Giá trị tài sản ròng của quỹ thấp hơn 50 tỷ đồng; hoặc
 - Giá trị phần đơn vị quỹ hoặc số đơn vị quỹ còn lại trên tài khoản của nhà đầu tư thấp hơn giá trị tối thiểu hoặc số lượng đơn vị quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc
 - Giá trị tài sản ròng còn lại hoặc số đơn vị quỹ còn lại của quỹ thấp hơn giá trị tài sản ròng tối thiểu hoặc số đơn vị quỹ lưu hành tối thiểu đã được quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc
 - Số lượng đơn vị quỹ lưu hành vượt quá khối lượng tối đa (nếu có) quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch.
 - c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch.
2. Trường hợp lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi được thực hiện một phần theo quy định tại Khoản 1 nói trên, Công ty Quản lý Quỹ áp dụng nguyên tắc mua lại theo cùng một tỷ lệ phần giá trị thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các nhà đầu tư đăng ký giao dịch theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch. Phần còn lại của các lệnh bán chưa được thực hiện hết sẽ tự động bị hủy bỏ. Trường hợp vẫn có nhu cầu bán, Nhà đầu tư tiếp tục đặt lệnh tại Ngày giao dịch kế tiếp hoặc lệnh bán sẽ được tự động thực hiện tại Ngày giao dịch kế tiếp trong trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ còn lại thấp hơn số lượng Chứng chỉ Quỹ duy trì tối thiểu tại tài khoản.

Công thức tính tỷ lệ như sau:

- i. Đối với trường hợp quy định tại Điểm a, Khoản 1, Mục 2.4.7, việc phân bổ lệnh bán cho Nhà đầu tư được thực hiện theo tỷ lệ như sau:

$$\text{Tỷ lệ} = \frac{10\% \times \text{NAV} + \text{Tổng giá trị lệnh mua ròng (*)}}{\text{Tổng giá trị lệnh bán}}$$

- ii. Đối với trường hợp quy định tại Điểm b, Khoản 1, Mục 2.4.7, việc phân bổ lệnh bán cho nhà đầu tư được thực hiện theo tỷ lệ như sau:

$$\text{Tỷ lệ} = \frac{\text{NAV} + \text{Tổng giá trị lệnh mua ròng (*)} - 50 \text{ tỷ đồng}}{\text{ }}$$

Tổng giá trị lệnh bán

(*) *Tổng giá trị lệnh mua ròng = Tổng giá trị đặt mua CCQ hợp lệ – Tổng giá dịch vụ phát hành*

3. Đối với trường hợp quy định tại Điểm a, Khoản 1, Mục 2.4.7, Công ty Quản lý Quỹ được phép đề xuất Ban Đại diện Quỹ duyệt kéo dài thời hạn thanh toán, nhưng không vượt quá ba mươi (30) ngày sau khi được Ban đại diện quỹ chấp thuận, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
4. Chứng chỉ Quỹ mở có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - a) Công ty Quản lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;
 - b) Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ mở vào ngày định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c) Các sự kiện khác do Điều lệ quỹ quy định hoặc UBCKNN xét thấy là cần thiết.
5. Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo Ban Đại diện Quỹ, UBCKNN trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Khoản 4 nêu trên và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
6. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ không được kéo dài quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
7. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại Khoản 6 nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
8. Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ chấm dứt, Công ty Quản lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà đầu tư.

2.5. Nguyên tắc xác định giá giao dịch đơn vị quỹ

2.5.1. Tần suất định giá và phương pháp xác định giá giao dịch trên một đơn vị quỹ

1. Xác định giá trị tài sản ròng
 - a. Ngày định giá là Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại Bản Cáo bạch và ngày tính toán giá trị tài sản ròng phục vụ công tác báo cáo (đối với trường hợp định giá NAV để thực hiện báo cáo). Công ty quản lý quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của quỹ. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ
 - b. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho ngân hàng giám sát xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng được tính chính xác và phù hợp sổ tay định giá, Điều lệ Quỹ và các quy định pháp luật.
 - c. Giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ phải được Ngân hàng Giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công

ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan điều chỉnh kịp thời trong vòng hai mươi bốn (24) giờ.

- d. Giá trị tài sản ròng của quỹ phải được xác định tại ngày định giá và được công bố trên các trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố giá trị tài sản ròng cho Nhà đầu tư thực hiện tại ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá. Nội dung thông tin về giá trị tài sản ròng thực hiện theo mẫu quy định của Phụ lục XXIV ban hành kèm theo thông tư 98/2020/TT-BTC.

2. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

- a. Giá trị tài sản ròng (NAV) là Tổng giá trị các tài sản đầu tư của Quỹ trừ đi Tổng các nghĩa vụ nợ có liên quan (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ giám sát, lãi vay ngân hàng nếu có...) tại ngày liền trước Ngày định giá.

- b. Tổng giá trị các tài sản đầu tư của Quỹ:

Tham khảo Phụ lục 4. Phương pháp xác định giá trị tài sản

- c. Giá trị đơn vị Quỹ (NAV/CCQ):

$$V = \frac{NAV}{N}$$

Trong đó:

- V: giá trị tài sản ròng trên 01 (một) Chứng chỉ Quỹ tại ngày định giá.
 - N: Tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ gần nhất trước Ngày định giá.
- e. Giá trị tài sản ròng trên 01 (một) Chứng chỉ Quỹ tại ngày định giá khi dùng để phân bổ Chứng chỉ Quỹ cho các lệnh giao dịch được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

2.5.2. Hình thức công bố thông tin về giá giao dịch:

1. Giá giao dịch được công bố tại Điều lệ và Bản cáo bạch của quỹ.
2. Nơi công bố thông tin: Điều lệ và Bản cáo bạch được công bố chính thức trên website Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt www.baovietfund.com.vn và cổng thông tin điện tử của UBCKNN.
3. Tần suất công bố thông tin: theo số lần sửa đổi, bổ sung Điều lệ - Bản cáo bạch quỹ

2.5.3. Thông tin về các mức giá dịch vụ:

1. Giá dịch vụ phát hành:

- a. Đối với đợt phát hành lần đầu: Không tính giá dịch vụ.
- b. Đối với các đợt phát hành tiếp theo: Tối đa 5,0% giá trị giao dịch. Giá dịch vụ phát hành cụ thể được Công ty Quản lý Quỹ thông báo tùy theo từng thời điểm trên trang tin điện tử của BVF.

2. Giá dịch vụ mua lại:

- a. Tối đa 3,0% giá trị giao dịch. Giá dịch vụ mua lại cụ thể được Công ty Quản lý Quỹ thông báo tùy theo từng thời điểm trên trang tin điện tử của BVF.
- b. Lưu ý: Trong trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ đặt bán có các thời điểm nắm giữ khác

nhau, Quỹ áp dụng nguyên tắc mua trước bán trước có nghĩa là các Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ dài hơn sẽ được ưu tiên, kể đến là các *Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ ngắn hơn*.

3. Giá dịch vụ chuyển đổi: Tối đa 3,0% giá trị giao dịch. Giá dịch vụ chuyển đổi cụ thể được Công ty Quản lý Quỹ thông báo tùy theo từng thời điểm trên trang tin điện tử của BVF. Mức giá dịch vụ chuyển đổi hiện hành: Miễn phí.
 - a. Trường hợp Công ty quản lý quỹ có từ hai quỹ mở, lệnh chuyển đổi được thực hiện theo nguyên tắc sau:
 - Lệnh bán đối với chứng chỉ quỹ bị bán được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện lệnh mua chứng chỉ của quỹ mục tiêu;
 - Các lệnh được thực hiện tại các ngày giao dịch chứng chỉ của các quỹ tương ứng;
 - Nhà đầu tư chỉ phải thanh toán giá dịch vụ chuyển đổi (nếu có), không phải thanh toán giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại đối với các lệnh thực hiện theo quy định tại điểm này.
 - b. Các thông tin về việc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ sẽ được công bố đầy đủ cho Nhà đầu tư tại Bản Cáo bạch hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và Đại lý phân phối theo quy định của pháp luật.
4. Giá dịch vụ phát hành Chứng chỉ quỹ theo Chương trình đầu tư định kỳ: Tối đa 5,0% giá trị giao dịch. Giá dịch vụ cụ thể được Công ty Quản lý Quỹ thông báo tùy theo từng thời điểm trên trang tin điện tử của BVF.

2.6. Thông tin về các mức giá dịch vụ mà Quỹ phải trả

2.6.1. Giá dịch vụ quản lý quỹ

1. Giá dịch vụ Quản lý Quỹ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý đầu tư cho Quỹ.
2. Giá dịch vụ Quản lý Quỹ là Một phẩy năm phần trăm một năm (1,5%/năm) tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ và được thanh toán theo chu kỳ hàng tháng. Tổng số giá dịch vụ phải trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (*trích lập*) tại các chu kỳ định giá thực hiện trong tháng theo công thức tính giá dịch vụ cho các kỳ báo cáo sau:

$$\text{Giá dịch vụ phải trả} = \frac{\text{Tỷ lệ Giá dịch vụ quản lý quỹ (\%)} \times \text{NAV tại cuối Chu kỳ định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong Chu kỳ định giá}}{\text{Số ngày thực tế trong năm (365/366)}}$$

3. Căn cứ chiến lược hoạt động của Quỹ, Đại hội Nhà đầu tư có thể xem xét, điều chỉnh Giá dịch vụ Quản lý Quỹ theo đúng các quy định của pháp luật.

2.6.2. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát

1. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng lưu ký, giám sát để thực hiện dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ và giám sát hoạt động của Công Ty Quản lý Quỹ. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát được tính theo tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ tại ngày định giá.
2. Số tiền dịch vụ phải trả hàng tháng là tổng số tiền dịch vụ được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

3. Mức giá dịch vụ lưu ký, giám sát được quy định chi tiết tại phụ lục 5 Điều lệ quỹ. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ lưu ký/giám sát = Mức giá áp dụng * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá

* Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)

- Mức giá tối thiểu trong tháng sẽ được áp dụng cho Quỹ nếu mức giá phải trả theo giá trị tài sản ròng trong tháng ít hơn mức giá tối thiểu đã thống nhất.

- Mức Giá dịch vụ lưu ký và giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của pháp luật hiện hành.

- Mức giá trên không bao gồm các phí/ giá dịch vụ thông thường khác như giá dịch vụ Ngân hàng lưu ký phải trả cho bên thứ ba như Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, giá dịch vụ giao dịch chứng khoán, phí/giá sửa lệnh...

4. Mức giá tối thiểu trong tháng sẽ được áp dụng cho quỹ nếu mức giá phải trả theo giá trị tài sản ròng trong tháng ít hơn mức giá tối thiểu đã thống nhất.

2.6.3. Giá dịch vụ quản trị quỹ

1. Giá dịch vụ quản trị quỹ được thanh toán hàng tháng cho Tổ chức cung cấp dịch vụ để thực hiện dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá.
2. Số tiền dịch vụ phải trả hàng tháng là tổng số tiền dịch vụ được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
3. Mức giá dịch vụ quản trị Quỹ được quy định chi tiết tại phụ lục 5 đính kèm. Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ = Mức giá áp dụng * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá *
Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)

4. Mức giá tối thiểu trong tháng sẽ được áp dụng cho quỹ nếu mức giá phải trả theo giá trị tài sản ròng trong tháng ít hơn mức giá tối thiểu đã thống nhất.

2.6.4. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

1. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được trả hàng tháng cho đại lý chuyển nhượng để thực hiện nhiệm vụ đại lý chuyển nhượng cho quỹ.
2. Biểu phí quy định giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được quy định tại Phụ lục số 5 của Điều lệ Quỹ.

2.6.5. Các chi phí khác phù hợp với quy định pháp luật

1. Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán.
2. Chi phí thẩm định giá trả cho các doanh nghiệp thẩm định giá (nếu có); chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban đại diện quỹ.
3. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính và các tài liệu khác cho thành viên góp vốn; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ.
4. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ và các chi phí khác theo quy định của pháp luật.
5. Chi phí liên quan đến việc chuyển đổi ngân hàng giám sát hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ

vụ khác.

6. Chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí hợp lệ khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;

2.7. Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế

2.7.1. Phương pháp xác định và phân phối lợi nhuận của Quỹ

1. Lợi tức phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quỹ. Căn cứ kết quả hoạt động hàng năm của Quỹ, Đại hội Nhà đầu tư (*hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư*) quyết định việc phân chia lợi nhuận của Quỹ theo đúng các quy định của pháp luật. Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ.
2. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi tức khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.
3. Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, giá dịch vụ, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi tức cho Nhà đầu tư.
4. Sau khi phân chia lợi tức, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi cho Nhà đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi tức quỹ, bao gồm các nội dung sau:
 - i. Phương pháp phân chia lợi tức (*bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ*);
 - ii. Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
 - iii. Giá trị lợi tức được phân chia, số lượng Chứng chỉ Quỹ phát hành để phân chia (*trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Chứng chỉ Quỹ*);
 - iv. Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;
 - v. Các ảnh hưởng tác động tới Giá trị tài sản ròng của Quỹ.

2.7.2. Chính sách thuế

1. Chính sách thuế áp dụng cho Quỹ tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật đối với hoạt động đầu tư.
2. Các loại thuế bao gồm nhưng không giới hạn:
 - i. Thuế áp dụng đối với Quỹ.
 - ii. Thuế thu nhập đối với Nhà đầu tư
 - Nhà đầu tư tổ chức (*không phân biệt trong nước hay nước ngoài*): thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% (*hai mươi lăm phần trăm*) trên lợi nhuận được chia hoặc 25% (*hai mươi lăm phần trăm*) trên giá trị gia tăng của tài sản được chia so với mệnh giá khi quỹ bị thanh lý hay giải thể. Lợi nhuận tính thuế không bao gồm phần lợi tức được chia do đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước.

- Nhà đầu tư cá nhân: thuế suất thuế thu nhập là 5% (năm phần trăm) trên lợi nhuận được chia hoặc 5% (năm phần trăm) trên giá trị gia tăng của tài sản được chia so với mệnh giá khi quỹ bị thanh lý hay giải thể. Ngoài ra, giao dịch bán lại Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư cá nhân có thể chịu thuế chuyển nhượng chứng khoán 0,1% (không phải một phần trăm) trên doanh thu bán lại Chứng chỉ Quỹ hoặc hình thức khác đã đăng ký với cơ quan thuế.

Ghi chú: Trên đây là biểu thuế hiện hành áp dụng đối với các giao dịch của Nhà đầu tư vào quỹ đại chúng và có thể thay đổi tại từng thời điểm theo quy định của pháp luật. Nhà đầu tư cần tham khảo các quy định có liên quan hoặc chuyên gia trong lĩnh vực thuế để có được thông tin cần thiết cho quyết định đầu tư của mình.

- iii. Hình thức nộp thuế theo lựa chọn mà Nhà đầu tư đăng ký khi tham gia giao dịch Chứng chỉ Quỹ gồm khấu trừ tại nguồn hoặc hình thức khác.
3. Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, giá dịch vụ, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi thanh toán cho Nhà đầu tư.

2.8. Đại hội Nhà đầu tư

2.8.1. Đại hội Nhà đầu tư thường niên, bất thường

1. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà đầu tư có tên trong sổ đăng ký Nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự.
2. Chương trình và nội dung họp Đại hội nhà đầu tư được công ty quản lý quỹ xây dựng tương ứng với chương trình họp, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan, thực hiện công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán nhà nước, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.
3. Đại hội Nhà đầu tư thường niên được tổ chức thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản trừ trường hợp quyết định các nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Điều lệ Quỹ.
4. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư trong các trường hợp sau:
 - a) Công ty Quản lý Quỹ, hoặc Ngân hàng Giám sát, hoặc Ban Đại diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
 - b) Theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Điều lệ Quỹ.
 - c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
5. Việc tổ chức họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư được thực hiện trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà

đầu tư.

6. Trường hợp công ty quản lý quỹ không triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 5, Mục 2.8.1 Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với quỹ (nếu có). Trường hợp Công ty quản lý quỹ tiếp tục không triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 5, Mục 2.8.1 trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban đại diện quỹ hoặc ngân hàng giám sát thay thế công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Quỹ.

2.8.2. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội Nhà đầu tư

1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ;
2. Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của Quỹ quy định tại Điều lệ quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát; Thay thế Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát;
3. Chia, tách, sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ, giải thể quỹ, thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ;
4. Phương án phân phối lợi tức;
5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban Đại diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ;
6. Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và Ban đại diện quỹ gây tổn thất cho quỹ;
7. Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội nhà đầu tư;
8. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật về chứng khoán và tại Điều lệ Quỹ.

2.8.3. Thể thức tiến hành họp Đại hội Nhà đầu tư

1. Cuộc họp Đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia và biểu quyết có thể là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia và biểu quyết hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) theo quy định của Pháp luật.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1, Mục 2.8.3, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số nhà đầu tư tham dự.
3. Đại hội nhà đầu tư thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
4. Thể thức, hình thức họp Đại hội Nhà đầu tư.
 - a. Thể thức, hình thức họp Đại hội Nhà đầu tư do Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với các quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Quỹ.
 - b. Đại hội Nhà đầu tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa bao gồm: (i) tham dự hội nghị trực tuyến (bao gồm họp

tại một địa điểm hoặc từ hai địa điểm trở lên thông qua sự kết nối của các phương tiện, thiết bị truyền thông điện tử), (ii) bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định pháp luật, (iii) gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử. Đại hội Nhà đầu tư sẽ do Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì bất kỳ người nào khác do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra sẽ chủ trì.

- c. Tất cả các cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư phải được lập thành biên bản và bản gốc lưu trữ ở trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ.
- d. Trong trường hợp tổ chức dưới hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định pháp luật hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền của Ban Đại diện Quỹ phải thực hiện các công việc theo nguyên tắc, nội dung, trình tự và thủ tục lấy ý kiến nhà đầu tư phù hợp với nguyên tắc tại quy định pháp luật về doanh nghiệp, cụ thể như sau:
- i. Phát hành Phiếu hỏi ý kiến gồm các nội dung chính như lý do, lựa chọn biểu quyết, thời hạn cuối cùng gửi lại và gửi đến tất cả các Nhà đầu tư có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu ý kiến. Việc lập danh sách Nhà đầu tư gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định lập danh sách Nhà đầu tư tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư. Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu được gửi bằng phương thức đảm bảo đến địa chỉ liên lạc của Nhà đầu tư: gửi thư, thư điện tử, fax hoặc phương thức khác phù hợp với quy định của pháp luật
- ii. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ của Quỹ, Công ty Quản lý quỹ;
 - Mục đích lấy ý kiến;
 - Thông tin của Nhà đầu tư, Số lượng chứng chỉ quỹ sở hữu và số quyền biểu quyết của Nhà đầu tư;
 - Vấn đề cần lấy ý kiến thông qua;
 - Phương án biểu quyết bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Thời hạn phải gửi về Công ty Quản lý quỹ phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - Họ, tên, chữ ký của Người đại diện Công ty Quản lý quỹ.
- iii. Công ty Quản lý quỹ gửi Phiếu hỏi ý kiến cùng các tài liệu liên quan tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tối thiểu trước 07 ngày làm việc (*bảy ngày làm việc*) trước ngày gửi Phiếu hỏi ý kiến nhà đầu tư.
- iv. Nhà đầu tư có thể gửi phiếu hỏi ý kiến đã trả lời đến Công ty Quản lý Quỹ theo một trong các hình thức sau đây:
- Gửi thư: Phiếu hỏi ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Nhà đầu tư là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Nhà đầu tư. Phiếu hỏi ý kiến gửi về Công ty Quản lý quỹ phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.
 - Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu hỏi ý kiến gửi về Công ty Quản lý quỹ qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật tới thời điểm kiểm phiếu.
 - Các phiếu hỏi ý kiến gửi về Công ty Quản lý quỹ sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu hỏi ý kiến không được gửi về được

coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

- v. Công ty Quản lý quỹ tổ chức kiểm phiếu và lập Ban kiểm phiếu dưới sự chứng kiến đại diện của Ngân hàng Giám sát, Công ty Quản lý Quỹ, Ban Đại diện Quỹ để thực hiện kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung sau đây:
- Tên, địa chỉ của Quỹ, Công ty Quản lý quỹ;
 - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua Nghị quyết;
 - Số Nhà đầu tư với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Nhà đầu tư tham gia biểu quyết;
 - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - Các vấn đề đã được thông qua
 - Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ, người giám sát kiểm phiếu, người kiểm phiếu và người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý quỹ.
 - Biên bản, nghị quyết được công bố trên trang tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ và Ủy Ban chứng khoán nhà nước trong vòng 24h (hai mươi tư giờ) kể từ ngày kết thúc việc lấy ý kiến.
- vi. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty Quản lý quỹ.
- vii. Trong trường hợp thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo các quy định hiện hành của Pháp luật.

2.8.4. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư

1. Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư về các nội dung quy định tại Khoản 2 và 3, Mục 2.8.2 phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư. Trong trường hợp này, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số nhà đầu tư đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp tán thành.
2. Quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi được số nhà đầu tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp tán thành trừ trường hợp quy định tại khoản 1, Mục 2.8.4.
3. Công ty quản lý quỹ được lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, Mục 2.8.4. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản phải phù hợp với quy định pháp luật về doanh nghiệp.
4. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành.
5. Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ. Trong trường hợp quyết định của Đại hội nhà đầu tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ thì phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản.

2.9. Ban Đại diện Quỹ

2.9.1. Tổ chức Ban Đại diện Quỹ

Ông Nguyễn Anh Đức Chủ tịch Ban Đại diện	❖ Trình độ chuyên môn: - Thạc sỹ Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân - Cử nhân Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân - Cử nhân Luật kinh tế – Viện Đại học Mở Hà Nội ❖ Kinh nghiệm làm việc: - Được đào tạo chuyên sâu trong nhiều lĩnh vực (luật, bảo hiểm, bất động sản, quản trị công ty đại chúng, đấu thầu...), có nhiều kinh nghiệm về luật kinh tế, bảo hiểm, đầu tư, chứng khoán. - Phó Giám đốc, Giám đốc Ban đầu tư – Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam từ 8/2008 đến nay.
Ông Nguyễn Cảnh Dương Thành viên Ban Đại diện	❖ Trình độ chuyên môn: - Cử nhân kinh tế, Ngành Kế toán – Đại học Kinh tế Quốc dân - Chứng chỉ Kiểm toán viên - Bộ Tài chính ❖ Kinh nghiệm làm việc: 25 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán - Giám đốc kiểm toán, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn DCPA
Ông Trần Ngọc Sơn Thành viên Ban đại diện	❖ Trình độ chuyên môn: - Cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng, Học viện Tài chính - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Trung tâm Pháp - Việt Đào tạo về Quản lý (CFVG) ❖ Kinh nghiệm làm việc: 14 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm và đầu tư tài chính - Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán, Chuyên viên Phòng Đầu tư Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ từ 04/2012 đến 09/2020 - Phó trưởng Phòng Đầu tư Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ từ 09/2020 đến nay

**Bà Vũ Như
Quỳnh**

Thành viên Ban
đại diện

❖ **Trình độ chuyên môn:**

- Cử nhân Kinh tế – ĐH Kinh tế Quốc dân
- Thạc sỹ Kinh doanh và Quản lý – ĐH Kinh tế Quốc dân
- Pass CFA Level I – CFA Institute

❖ **Kinh nghiệm làm việc:**

- Được đào tạo chuyên sâu về đầu tư chứng khoán theo các khóa học của UBCKNN và viện CFA Hoa Kỳ
- 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm và đầu tư
- Chuyên viên đầu tư của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt từ năm 2011 đến nay

2.9.2. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ

1. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ:

- a) Ưu tiên những người nổi tiếng có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý kinh tế, tài chính và thị trường vốn được đề cử tại Đại hội Nhà đầu tư.
- b) Thành viên độc lập không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.
- c) Chủ tịch và Phó chủ tịch phải có trình độ quản lý kinh tế, tài chính, am hiểu hoạt động kinh doanh của Quỹ đầu tư.

2. Những người sau đây không được là thành viên Ban đại diện quỹ:

- a) Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị.
- b) Là thành viên của trên 05 Ban đại diện quỹ đại chúng, hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.
- c) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

2.9.3. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Đại diện Quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà đầu tư.
2. Phê duyệt sổ tay định giá giá trị tài sản ròng của Quỹ; phê duyệt danh sách tổ chức cung cấp báo giá, các tổ chức tín dụng cho Quỹ. Ban đại diện quỹ quyết định, hoặc ủy quyền cho công ty quản lý quỹ quyết định chiến lược, chính sách về quản trị rủi ro. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện công tác quản trị rủi ro cho Quỹ.
3. Chấp thuận các giao dịch tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận thuộc thẩm quyền của Ban Đại Diện Quỹ.
4. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân phối lợi nhuận đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận, hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật.
5. Có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.

6. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật hiện hành.
7. Khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, Ban Đại diện Quỹ tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và quyết định của Đại hội Nhà đầu tư. Trong trường hợp quyết định do Ban Đại diện Quỹ thông qua trái với quy định của Đại hội nhà đầu tư, pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Quỹ; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

2.9.4. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ

1. Đại hội Nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ trong số thành viên Ban đại diện. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ phải là thành viên độc lập.
2. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại diện Quỹ;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Đại diện Quỹ;
 - c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại diện Quỹ;
 - d) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ Quỹ.

2.9.5. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ

1. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có quyền triệu tập họp Ban Đại diện Quỹ. Ban Đại diện Quỹ phải họp ít nhất mỗi quý một lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.
2. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan phải được thông báo cho các thành viên Ban đại diện quỹ chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ được tổ chức dưới hình thức họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin, nghe, nhìn hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
3. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên trở lên dự họp trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm đa số (trên 50% (năm mươi phần trăm) số thành viên dự họp trở lên). Thành viên không trực tiếp họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản.
4. Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin, nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban Đại diện Quỹ có một phiếu biểu quyết.
5. Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua nếu được từ sáu mươi phần trăm (60%) trở lên số thành viên và trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên số thành viên độc lập thông qua.
6. Nghị quyết, Biên bản của cuộc họp Ban Đại diện Quỹ phải được gửi đến Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và các bên liên quan (chỉ với các nội dung được đề cập tại Khoản 5, Mục 2.9.3).
7. Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát được quyền tham dự các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ, nhưng không có quyền tham gia biểu quyết.

2.9.6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban Đại diện Quỹ

Thành viên Ban Đại diện Quỹ bị bãi miễn đương nhiên trong các trường hợp sau:

1. Bị khởi tố hoặc truy tố.
2. Bị tòa tuyên bố là mất tích, chết hoặc mất năng lực hành vi.
3. Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban Đại diện Quỹ do quy định của luật pháp hoặc của UBCKNN hoặc các cơ quan có thẩm quyền.
4. Xin từ chức, chết hoặc hết nhiệm kỳ.
5. Bị cách chức thành viên Ban Đại diện Quỹ khi có Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.
6. Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
7. Thực hiện những hành vi làm tổn hại đến quyền và lợi ích của Nhà đầu tư và Quỹ.
8. Công ty Quản lý quỹ hoặc Ban đại diện phải thực hiện triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư để bầu bổ sung thành viên Ban đại diện trong trường hợp sau đây:
 - Số thành viên Ban đại diện bị giảm quá một phần ba. Trường hợp này, Đại hội nhà đầu tư được triệu tập họp bất thường trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3.
 - Số lượng thành viên độc lập của Ban đại diện giảm xuống, không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tối thiểu 2/3 số thành viên độc lập.
 - Trừ trường hợp quy định tại 2 điểm nêu trên, Đại hội nhà đầu tư bầu thành viên Ban đại diện mới thay thế thành viên Ban đại diện đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

2.9.7. Người đại diện theo ủy quyền của thành viên Ban đại diện Quỹ

1. Trường hợp Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban Đại diện Quỹ được Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ.
2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban Đại diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà đầu tư gần nhất.

2.9.8. Biên bản họp Ban đại diện Quỹ

Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của Ban đại diện quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lưu trữ tại Công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

2.10. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ

2.10.1. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý Quỹ.

2. Hoàn toàn độc lập với Ngân hàng Giám sát.
3. Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ.

2.10.2. Trách nhiệm và quyền hạn của Công ty Quản lý Quỹ

1. Nghĩa vụ Công ty Quản lý Quỹ

- a) Tuân thủ Điều lệ Quỹ và bảo vệ quyền lợi của Nhà đầu tư;
- b) Công bằng, trung thực và vì lợi ích của Quỹ và Nhà đầu tư;
- c) Bảo vệ an toàn và quản lý tách biệt tài sản của từng Quỹ, của Công ty Quản lý Quỹ;
- d) Đối với những giao dịch của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện trong đó có sự tham gia của người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, phải đảm bảo sự công bằng và không làm tổn hại đến quyền lợi của Quỹ; thông báo đầy đủ thông tin liên quan đến giao dịch đó cho Ban Đại diện Quỹ, UBCKNN và thông báo công khai cho Nhà đầu tư;
- e) Bảo đảm việc uỷ quyền trách nhiệm cho bên thứ ba và sự thay đổi tổ chức, quản lý của Công ty Quản lý Quỹ không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Quỹ;
- f) Đền bù các tổn thất của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Mục 2.10.2;
- g) Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng thành viên, những người quản lý và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ đều phải được báo cáo và quản lý tập trung tại Công ty Quản lý Quỹ dưới sự giám sát của bộ phận kiểm soát nội bộ;
- h) Khi Công ty Quản lý Quỹ giao dịch mua, bán các tài sản cho Quỹ thì Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc, Giám đốc đầu tư, người điều hành quỹ không được nhận bất kỳ một lợi ích nào cho công ty hoặc cho chính mình hoặc cho một người thứ ba, ngoài khoản giá dịch vụ quy định trong Điều lệ Quỹ;
- i) Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định của pháp luật;
- j) Trong trường hợp Ngân hàng Giám sát phát hiện và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ biết giao dịch không phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải huỷ bỏ giao dịch đó hoặc thực hiện mua hoặc bán tài sản của Quỹ nhằm phục hồi tài sản Quỹ như trước khi có giao dịch. Mọi chi phí, giá dịch vụ phát sinh liên quan đến các giao dịch này do Công ty Quản lý Quỹ chịu;
- k) Thay mặt Quỹ đầu tư thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ.
- l) Cung cấp cho các Nhà đầu tư các báo cáo có liên quan hàng tháng, quý, năm theo quy định của pháp luật.
- m) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Ngân hàng giám sát
- n) Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm xây dựng chiến lược, chính sách về quản trị rủi ro của Quỹ, đồng thời có trách nhiệm chủ động thực hiện quy trình quản lý rủi ro theo chiến

lược và chính sách quản trị rủi ro, nhằm đạt được mục tiêu đầu tư, trong phạm vi và hạn chế đầu tư, lĩnh vực đầu tư đã được quy định tại Điều lệ quỹ.

o) Các nghĩa vụ khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật hiện hành.

2. Quyền của Công ty Quản lý Quỹ

a) Được tham dự các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ (*nhưng không được quyền biểu quyết*).

b) Được hưởng các khoản giá dịch vụ quy định trong Điều lệ Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật hoặc theo các quy định khác của Đại hội Nhà đầu tư.

c) Được hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán; Công ty Quản lý Quỹ chỉ được tư vấn đầu tư chứng khoán cho các doanh nghiệp đầu tư vào hoặc tiếp nhận nguồn vốn đầu tư từ các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý; không được tham gia các hoạt động tư vấn niêm yết hoặc tư vấn phát hành chứng khoán.

d) Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật.

e) Các quyền khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật hiện hành.

2.10.3. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Công ty Quản lý Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

a) Công ty quản lý quỹ tự nguyện đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ;

b) Theo yêu cầu của Đại hội nhà đầu tư;

c) Công ty quản lý quỹ bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán theo quy định tại Điều 95 Luật chứng khoán;

d) Tổ chức lại công ty quản lý quỹ;

e) Quỹ hết thời hạn hoạt động.

2. Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư lấy ý kiến về phương án xử lý tài sản và công ty quản lý quỹ thay thế trong trường hợp quy định tại điểm a, c, d khoản 1, Mục 2.10.3.

2.10.4. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân hàng Giám sát của quỹ. Thành viên Hội đồng thành viên, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát, Chủ tịch công ty, Ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.

2. Công ty Quản lý Quỹ, nhân viên làm việc tại công ty quản lý quỹ, người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc nhân viên làm việc tại các bên có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, đầu tư vào quỹ mà Công ty Quản lý Quỹ đang quản lý ngoại trừ việc sử dụng tài sản của khách hàng ủy thác, quản lý danh mục, quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do mình quản lý để đầu tư vào quỹ khác mà mình quản lý.

3. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của quỹ để đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý

4. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của quỹ để đầu tư vào chính công ty quản lý quỹ, không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, không đầu tư vào tổ chức mà thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên 10% vốn điều lệ.
5. Thành viên Hội đồng thành viên, Ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoại trừ các loại giá dịch vụ được quy định tại Điều lệ quỹ.
6. Công ty quản lý quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức tại Việt Nam để cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
7. Công ty quản lý quỹ không được nhận thưởng hoạt động đối với quỹ mở.
8. Công ty quản lý quỹ không được thực hiện các giao dịch làm tăng giá dịch vụ và rủi ro không hợp lý cho quỹ.
9. Các hạn chế khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật.

2.11. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Ngân hàng Giám sát

2.11.1. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám sát

1. Ngân hàng Giám sát do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán.
2. Ngân hàng giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với công ty quản lý quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát.

2.11.2. Trách nhiệm, quyền hạn của Ngân hàng Giám sát

1. Nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát
 - a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà đầu tư quỹ;
 - b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng;
 - c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ Quỹ;
 - d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ Quỹ;
 - e) Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công ty Quản lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát và tài sản của chính Ngân hàng Giám sát;
 - f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
 - g) Giám sát việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo tần suất phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ
 - h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng Giám sát có cơ

sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty Quản lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi UBCKNN;

- i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ;
- j) Thanh toán những khoản chi phí, giá dịch vụ hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí, giá dịch vụ đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ Quỹ;
- k) Thanh toán tiền cho Nhà đầu tư của Quỹ khi Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư, hoặc khi quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ;
- l) Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ phát hành, số Chứng chỉ Quỹ sở hữu bởi từng người nắm giữ chứng chỉ, tên, địa chỉ, quốc tịch, địa chỉ và các yếu tố nhận dạng khác của người đó và ngay lập tức cập nhật tất cả những thay đổi nếu có;
- m) Các nghĩa vụ khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật.

2. Quyền của Ngân hàng Giám sát

- a) Hưởng giá dịch vụ như được quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch, Hợp đồng Giám sát và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành;
- b) Tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại Hội Nhà đầu tư
- c) Được rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản của Quỹ; bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ.
- d) Được kiểm tra hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, kiểm tra các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan.
- e) Được rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của Nhà đầu tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ.
- f) Được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi công ty kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện công việc được quy định trong Hợp đồng đã ký và tự chịu toàn bộ chi phí, giá dịch vụ.
- g) Các quyền khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật.

2.11.3. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Ngân hàng Giám sát

- 1. Ngân hàng Giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2, Điều 60 Luật chứng khoán;

- b) Đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát;
 - c) Quỹ hết thời hạn hoạt động, bị giải thể, bị chia, bị tách, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - d) Theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư của quỹ.
2. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 nói trên, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát được chuyển giao cho một ngân hàng giám sát khác phải theo quy định của pháp luật.

2.12. Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo

2.12.1. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty kiểm toán

1. Hàng năm, Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai (02) công ty kiểm toán để trình Đại hội Nhà đầu tư quyết định công ty kiểm toán được lựa chọn tiến hành kiểm toán cho Quỹ.
2. Các công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:
 - a) Được thành lập và hoạt động tại Việt Nam, được phép cung cấp dịch vụ kiểm toán.
 - b) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán.
 - c) Được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cho phép kiểm toán Quỹ đầu tư.
3. Công ty kiểm toán được lựa chọn sẽ tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính của Quỹ phù hợp với giấy phép của UBCKNN.

2.12.2. Năm tài chính

Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

2.12.3. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

2.12.4. Báo cáo tài chính

1. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.
2. Các báo cáo tài chính sẽ được kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn.
3. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban Đại diện Quỹ và cập nhật trên trang chủ của Công ty Quản lý Quỹ.
4. Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của UBCKNN về báo cáo tài chính.

2.12.5. Báo cáo khác

Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của UBCKNN về công bố thông tin và báo cáo các hoạt động kinh doanh.

3. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ

3.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro phát sinh do sự biến động của các yếu tố vĩ mô như lãi suất, tỷ giá, giá cả hàng hoá và dịch vụ, cạnh tranh... làm ảnh hưởng bất lợi đến thị trường cổ phiếu, thị trường lãi suất cố định nói chung và các khoản đầu tư của Quỹ nói riêng.

3.2. Rủi ro lãi suất

Là rủi ro phát sinh khi lãi suất thị trường tăng/giảm và làm giảm giá trị của khoản đầu tư/ảnh hưởng đến cơ hội tái đầu tư dòng tiền của danh mục. Đối với danh mục đầu tư, rủi ro lãi suất phát sinh đối với trái phiếu và các công cụ có thu nhập cố định.

3.3. Rủi ro lạm phát

Rủi ro lạm phát là rủi ro phát sinh khi tỷ suất lợi nhuận của Nhà đầu tư không theo kịp tốc độ lạm phát của nền kinh tế, dẫn tới tỷ suất lợi nhuận thực âm.

3.4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thiếu tính thanh khoản là rủi ro xảy ra khi Công ty Quản lý Quỹ gặp khó khăn trong việc thực hiện đầu tư hoặc chuyển đổi tài sản đầu tư thành tiền do sự hạn chế về thanh khoản trên thị trường.

3.5. Rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý là rủi ro phát sinh khi hoạt động đầu tư của Quỹ bị ảnh hưởng bởi các thay đổi về mặt pháp lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3.6. Rủi ro tín nhiệm

Rủi ro về xếp hạng như doanh nghiệp giảm hạng so với năm trước, khiến giá trị của doanh nghiệp giảm, cổ phiếu xuống giá hoặc khi khả năng kinh doanh, tín dụng của công ty thấp dẫn đến khả năng đáp ứng các khoản nợ của công ty thấp gây tổn hại đến lợi nhuận thu được của trái chủ.

3.7. Rủi ro xung đột lợi ích

Là rủi ro phát sinh khi có xung đột nhất định về lợi ích giữa danh mục tự doanh của công ty quản lý quỹ và các quỹ đầu tư, danh mục ủy thác, giữa lợi ích của cá nhân cán bộ thực hiện đầu tư và các danh mục đang quản lý trong việc tìm kiếm lợi nhuận/cơ hội đầu tư.

3.8. Rủi ro đối với tài sản cụ thể (cổ phiếu, trái phiếu, tiền gửi)

Rủi ro cổ phiếu: Mỗi doanh nghiệp tương ứng với mỗi cổ phiếu của doanh nghiệp đó thường có xu hướng đi theo đà phát triển trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhà đầu tư sẽ được hưởng lợi từ cổ tức, tăng giá cổ phiếu từ các doanh nghiệp có mức tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận đều đặn, tình hình vay nợ, sử dụng vốn ổn định trong khi các doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, nợ xấu với ngân hàng, sử dụng vốn thiếu hiệu quả sẽ làm giảm sức hút của cổ phiếu.

Rủi ro trái phiếu bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro lạm phát, rủi ro tín dụng tín nhiệm và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro tiền gửi bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro lạm phát và rủi ro tín dụng tín nhiệm.

3.9. Rủi ro cá biệt

Rủi ro do chiến lược đầu tư là rủi ro phát sinh do tỷ trọng các lớp tài sản của Quỹ không được điều chỉnh kịp thời dẫn tới tỷ suất lợi nhuận của Quỹ không đáp ứng được Mục tiêu đầu tư.

3.10. Rủi ro khác

Là những rủi ro tiềm ẩn khác có thể phát sinh mà không bao gồm trong danh sách trên.

4. Các thông tin đầu tư khác (tham khảo chi tiết tại Điều lệ Quỹ và website baovietfund.com.vn)

X. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO

1. Căn cứ pháp lý

1.1. Giấy đăng ký phát hành:

Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 23/GCN-UBCK ngày 11 tháng 11 năm 2016.

1.2. Giấy phép thành lập và hoạt động quỹ:

Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 24/GCN-UBCK ngày 29 tháng 12 năm 2016 của UBCKNN.

2. Phương án phát hành lần đầu

Quỹ đã được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 23/GCN-UBCK ngày 11/11/2016. Quỹ đã đáp ứng điều kiện lập Quỹ theo yêu cầu của pháp luật và được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 24/GCN-UBCK vào ngày 29/12/2016.

3. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau đợt phát hành lần đầu

3.1. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ thông thường

Ngày giao dịch	Tất cả các ngày làm việc từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần, không kể các ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật (Ngày T) <i>Trường hợp Ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ, tết, nghỉ bù theo quy định của pháp luật thì việc giao dịch chứng chỉ quỹ sẽ được thực hiện vào ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ</i>
Giá bán	NAV/CCQ tại ngày giao dịch + Giá dịch vụ phát hành Chứng chỉ Quỹ
Giá mua lại	NAV/CCQ tại ngày giao dịch - Giá dịch vụ mua lại Chứng chỉ Quỹ
Giá dịch vụ phát hành	Tối đa 5,0% giá trị giao dịch Mức giá dịch vụ phát hành cụ thể sẽ được BVF thông báo tùy theo từng thời điểm trên trang tin điện tử của BVF
Giá dịch vụ mua lại	Tối đa 3,0% giá trị giao dịch Trong trường hợp, số lượng Chứng chỉ Quỹ đặt bán có các thời điểm nắm giữ khác nhau, Quỹ áp dụng nguyên tắc mua trước bán trước có nghĩa là các Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ dài hơn sẽ được ưu tiên, kể đến là các Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ ngắn hơn.

	Mức giá dịch vụ mua lại cụ thể sẽ được BVF thông báo tùy theo từng thời điểm trên trang tin điện tử của BVF
Giá dịch vụ chuyển đổi	Tối đa 3,0% giá trị giao dịch Mức giá dịch vụ chuyển đổi cụ thể sẽ được BVF thông báo tùy theo từng thời điểm trên trang tin điện tử của BVF Mức giá dịch vụ chuyển đổi hiện hành: Miễn phí
Giá trị đăng ký giao dịch mua tối thiểu	100.000 (Một trăm nghìn) đồng
Số lượng đăng ký giao dịch bán tối thiểu	Số lượng Chứng chỉ Quỹ đối với một lệnh bán hoặc chuyển đổi tối thiểu là năm (05) Chứng chỉ Quỹ.
Thời điểm đóng sổ lệnh	14h40 (mười bốn giờ bốn mươi phút) ngày T – 1. Trường hợp ngày T – 1 là ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì thời điểm đóng sổ lệnh sẽ được dời sang 14h40 (mười bốn giờ bốn mươi phút) của ngày giao dịch gần nhất trước đó.
Thời điểm công bố NAV	Trong vòng T + 1
Thời hạn xác nhận giao dịch	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày T nhưng không quá ngày giao dịch chứng chỉ quỹ tiếp theo
Thời hạn thanh toán cho Nhà đầu tư	Tối đa ngày làm việc T + 5
Tần suất giao dịch của quỹ	Hàng ngày
Phương thức giao dịch	Xem Phụ lục 1 Bản cáo bạch này
Hủy lệnh giao dịch	Nhà đầu tư chỉ được phép hủy lệnh giao dịch trước thời điểm đóng sổ lệnh (việc hủy lệnh phải thực hiện bằng hình thức văn bản gửi đến Đại lý phân phối hoặc thực hiện trên hệ thống giao dịch điện tử của Đại lý phân phối). Các trường hợp lệnh giao dịch không hợp lệ trong ngày T: a) Lệnh nhận được sau thời điểm đóng sổ lệnh; b) Tiền mua Chứng chỉ Quỹ chưa có tại tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát trong ngày T – 1 (giao dịch qua Đại lý phân phối); c) Tiền mua Chứng chỉ Quỹ được chuyển vào tài khoản tiền của Quỹ không theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 18 Điều lệ quỹ; d) Tiền mua Chứng chỉ Quỹ nhận được thấp hơn giá trị đã đăng ký tại lệnh mua và Đại lý phân phối không thực hiện

	các thủ tục điều chỉnh trước thời gian quy định của Đại lý chuyển nhượng. e) Đại lý phân phối không nhập lệnh vào hệ thống của Đại lý chuyển nhượng theo đúng quy định của Đại lý chuyển nhượng. Trong trường hợp này, Đại lý phân phối có trách nhiệm thống nhất với Nhà đầu tư về phương án xử lý
Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch	Xem Điểm 2.4.7, phần IX Bản cáo bạch này
Địa điểm và đại lý phân phối	Danh sách Đại lý phân phối và các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ được quy định cụ thể tại Phụ lục 3 của Bản Cáo bạch này.

3.2. Chương trình đầu tư định kỳ (SIP):

- Nhà đầu tư có thể đặt lệnh mua Chứng chỉ Quỹ theo Chương trình đầu tư định kỳ (SIP) theo đó, Nhà đầu tư cam kết và thực hiện mua Chứng chỉ Quỹ với một số tiền tối thiểu định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý trong một khoảng thời gian đăng ký với Công ty Quản lý Quỹ. Phương thức đặt lệnh được hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục 1 của Bản Cáo bạch;
- Nội dung Chương trình đầu tư định kỳ cụ thể như sau:

Thời gian đăng ký	01 năm	02 năm	Trên 02 năm
Kỳ đóng tiền	Tháng	Tháng hoặc Quý	Tháng hoặc Quý
Số tiền tối thiểu	100.000 đồng/tháng	- 100.000 đồng/tháng nếu lựa chọn đóng tiền theo tháng - 300.000 đồng/quý nếu lựa chọn đóng tiền theo quý	- 100.000 đồng/tháng nếu lựa chọn đóng tiền theo tháng - 300.000 đồng/quý nếu lựa chọn đóng tiền theo quý
Thời điểm nộp tiền định kỳ muộn nhất (ngày Quỹ nhận được tiền mua từ Nhà đầu tư)	17h00 ngày 15 hàng tháng	- 17h00 ngày 15 hàng tháng nếu lựa chọn đóng tiền theo tháng; - 17h00 ngày 15 các tháng Hai, Năm, Tám, Mười Một nếu lựa chọn	- 17h00 ngày 15 hàng tháng nếu lựa chọn đóng tiền theo tháng; - 17h00 ngày 15 các tháng Hai, Năm, Tám, Mười Một nếu lựa chọn

đóng tiền theo đóng tiền theo
quỹ; quỹ;

Lưu ý: Trường hợp ngày mười lăm (15) rơi vào ngày nghỉ hàng tuần, nghỉ lễ, kể cả nghỉ bù theo quy định của pháp luật, thời hạn cuối cùng Quý nhận tiền thanh toán của Nhà đầu tư là 17h00 ngày làm việc gần nhất trước ngày mười lăm (15).

Giá dịch vụ mua Bằng Giá dịch vụ phát hành đối với giao dịch mua Chứng chỉ quỹ thông thường.

Nhà đầu tư có thể được giảm Giá dịch vụ mua. Mức được công bố trên ứng dụng, trang thông tin điện tử của BVF tại từng thời điểm

Chấm dứt Chương trình đầu tư định kỳ sẽ chấm dứt khi xảy ra một trong các sự kiện dưới đây:

đầu tư định kỳ

- Nhà đầu tư đề nghị chấm dứt tham gia;
- Kết thúc thời gian đăng ký;

- Việc bán, chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ, duy trì tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ được thực hiện tương tự quy định đối với trường hợp Giao dịch Chứng chỉ Quỹ thông thường.
- Chi tiết các Chương trình đầu tư định kỳ (SIP) có thể thay đổi theo chính sách phát triển sản phẩm của Công ty Quản lý quỹ trong từng thời kỳ, được công bố tại ứng dụng, trang thông tin điện tử và/hoặc thông báo tới các Nhà đầu tư.

4. Công bố giá trị tài sản ròng và tình hình giao dịch

4.1. Tần suất xác định giá trị tài sản ròng

Xem Khoản 2.5.1 Phần IX của Bản cáo bạch này

4.2. Phương pháp xác định giá trị tài sản

Xem Phụ lục 4 của Bản cáo bạch này

4.3. Công bố giá trị tài sản ròng

Giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ sẽ được công bố tại trang điện tử của Công ty Quản lý Quỹ và các Đại lý phân phối theo quy định tại Phụ lục 3 của Bản Cáo bạch này

5. Thông tin hướng dẫn tham gia đầu tư vào quỹ đầu tư

Xem phụ lục 1 của Báo cáo này

XI. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Báo cáo tài chính:

Cơ cấu tài sản Quỹ	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2023
Danh mục cổ phiếu	75,93%	87,88%	84,09%
Tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng và tiền gửi thanh toán	17,76%	3,47%	15,14%
Các tài sản khác	6,31%	8,65%	0,77%

Tổng cộng	100,00%	100,00%	100,00%
------------------	----------------	----------------	----------------

Tăng trưởng qua các thời kỳ

<i>Giai đoạn</i>	<i>Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ</i>	<i>Tăng trưởng của NAV/CCQ hàng năm</i>
- 1 năm	6,08%	6,08%
- 3 năm	52,67%	15,15%
- Từ khi thành lập	127,23%	9,55%

Tăng trưởng hàng năm

<i>Năm</i>	<i>31/12/2025 (%)</i>	<i>31/12/2024 (%)</i>	<i>31/12/2023 (%)</i>	<i>31/12/2022 (%)</i>
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/01 đơn vị CCQ	6,08%	25,20%	14,94%	- 14,11%

Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025</i>	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024</i>	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023</i>
Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	191.986.004.054	184.899.755.674	144.549.165.318
Tổng số chứng chỉ quỹ (CCQ) đang lưu hành	8.448.751,19	8.631.987,34	8.449.110,26
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị CCQ (VND)	22.723	21.420	17.108
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm báo cáo (VND)	23.682	21.420	17.561
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm báo cáo (VND)	17.894	17.107	14.884
Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	Không áp dụng	21.420	17.108
Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	6,08%	25,20%	14,94%
Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	242,24%	- 54,64%	- 36,40%

Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	-	-	-
Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	-	-	-
Ngày chốt quyền	-	-	-
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)	1,90%	1,88%	1,97%
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	17,17%	6,94%	20,45%

Biểu đồ tăng trưởng của Quỹ từ 30 tháng 12 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025:



Thay đổi giá trị tài sản ròng

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>31/12/2025</i>	<i>31/12/2024</i>	<i>Tỷ lệ thay đổi</i>
<i>A</i>	<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)=((1)-(2))/(2)</i>
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	191.986.004.054	184.899.755.674	3,83%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	22.723	21.420	6,08%

Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất)

<i>Quy mô nắm giữ (Đơn vị)</i>	<i>Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ</i>	<i>Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ nắm giữ</i>	<i>Tỷ lệ nắm giữ</i>
Dưới 5.000	949	454.456,53	5,38%
Từ 5.000 đến 10.000	13	98.290,43	1,16%
Từ 10.000 đến 50.000	5	108.934,06	1,29%

Từ 50.000 đến 500.000	1	87.070,17	1,03%
Trên 500.000	4	7.700.000,00	91,14%
Tổng cộng	972	8.448.751,19	100,00%

2. Tình hình phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ:

Tổng số lượng Chứng chỉ quỹ phát hành thêm năm 2025: 398.137,44 chứng chỉ quỹ

Tổng số lượng Chứng chỉ quỹ mua lại năm 2025: (581.373,59) chứng chỉ quỹ

3. Giá dịch vụ:

3.1. Giá dịch vụ quản lý quỹ, quản trị quỹ, đại lý chuyển nhượng:

Giá dịch vụ quản lý quỹ: 1,5%/năm

Giá dịch vụ quản trị quỹ: không có

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng:

Sst	Loại tiền dịch vụ	Mức giá dịch vụ (*)
1	Tiền cố định hàng tháng	- Mức 1: 12.000.000 VND/tháng áp dụng khi Quỹ có tần suất giao dịch > 02 phiên/tuần - Mức 2: 10.000.000 VND/tháng áp dụng cho khi Quỹ có tần suất giao dịch ≤ 02 phiên/tuần (Trường hợp quỹ thay đổi tần suất giao dịch, mức giá dịch vụ mới sẽ được áp dụng từ tháng liền sau tháng thay đổi)
2	Tiền thiết lập, duy trì thông tin - Thiết lập dữ liệu ĐLPP, NHGS - Thiết lập dữ liệu NĐT - Duy trì thông tin tài khoản NĐT	Miễn phí
3	Tiền cung cấp thông tin - Thông tin giao dịch hàng ngày - Thông tin kết quả giao dịch tại các ngày giao dịch - Thông tin về số lượng CCQ đang lưu hành - Thông tin danh sách NĐT sở hữu CCQ	Miễn phí

4	Tiền thực hiện quyền - Lập danh sách thực hiện quyền	1.000.000 đồng/lần lập danh sách
---	---	----------------------------------

(*) Chưa bao gồm thuế VAT

3.2. Giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký:

Stt	Loại giá dịch vụ	Mức giá dịch vụ	Tối thiểu / Tối đa	Ghi chú
A.I Giá dịch vụ lưu ký, giám sát				
A.1.1	Giá dịch vụ lưu ký	0,06%*NAV/Năm	Tối thiểu 20.000.000 đồng/tháng	Chưa bao gồm VAT theo quy định của pháp luật từng thời kỳ.
A.1.2	Giá dịch vụ giám sát	0,02%*NAV/Năm	Tối thiểu 5.000.000 đồng/tháng	
A.II Giá dịch vụ lưu ký xử lý hồ sơ				
A.2.1	Đối với giao dịch cổ phiếu, trái phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch	0,01% giá trị giao dịch	Tối đa 3.000.000 đồng/ngày giao dịch	Chưa bao gồm VAT theo quy định của pháp luật từng thời kỳ.
A.2.2	Đối với các giao dịch mua bán chứng khoán OTC và các tài sản khác	100.000 đồng/giao dịch		
A.III Giá dịch vụ lưu ký, chuyển khoản của VSDC (Giá dịch vụ của bên thứ 3)				
A.3.1	Giá dịch vụ lưu ký	0,27 đồng/cổ phiếu, CCQ, CQ có đảm bảo /tháng; 0,18 đồng/trái phiếu doanh nghiệp, công cụ nợ/tháng	Tối đa 2.000.000 đồng/tháng/ mã trái phiếu doanh nghiệp, công cụ nợ	Giá dịch vụ lưu ký và giá dịch vụ chuyển khoản theo Quy định Bộ Tài chính trong từng thời kỳ. Khi Bộ Tài chính thay đổi biểu giá dịch vụ thì khoản mục giá dịch
A.3.2	Giá dịch vụ chuyển khoản thực hiện giao dịch	0,3 đồng/chứng khoán/lần chuyển khoản/mã chứng khoán	Tối đa không quá 300.000 đồng/ 1 lần chuyển khoản/ 1 mã chứng khoán	

A.3.3	Các khoản giá dịch vụ VSDC thu của thành viên liên quan trực tiếp đến hoạt động của Quỹ	Theo mức phát sinh cụ thể	vụ này sẽ thay đổi tương ứng
-------	---	---------------------------	------------------------------

3.3. Giá dịch vụ khác (kiểm toán, định giá):

Chi phí kiểm toán: 151.200.000 VNĐ

Chi phí hoạt động khác: 13.041.983 VNĐ

4. Các chỉ tiêu hoạt động

4.1. Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ:

Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ năm 2023 - 2024 - 2025 lần lượt là: 1,97%, 1,88% và 2,00%

4.2. Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ:

Tốc độ vòng quay danh mục năm 2023 - 2024 - 2025 lần lượt là 20,45%, 6,94% và 17,17%

5. Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận của Quỹ:

Thu nhập của Quỹ bao gồm: cổ tức được chia, tiền lãi được nhận, các khoản lỗ/ lãi bán các khoản đầu tư, chênh lệch tăng/ giảm, đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện.

Quỹ không thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2025.

6. Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ:

Không có

7. Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của Quỹ:

Báo cáo hoạt động định kỳ của Quỹ được đăng tải tại website www.baovietfund.com.vn theo quy định của pháp luật liên quan.

XII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

1. Công ty Quản lý Quỹ phải:

- Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
- Tách biệt tài sản của Công ty Quản lý Quỹ với tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý, tài sản của Nhà đầu tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý.

2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban điều hành, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề Quản lý Quỹ và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành;

3. Công ty Quản lý Quỹ phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty Quản lý Quỹ.

XIII. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Cung cấp tài liệu, thông tin cho Nhà đầu tư

- 1.1. Trong vòng tối đa 01 (một) ngày kể từ ngày định giá (không tính các ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật), sau khi có xác nhận của Ngân hàng Giám sát, giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ sẽ được công bố cho Nhà đầu tư trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- 1.2. Công ty Quản lý Quỹ định kỳ hàng tháng, quý, năm phải gửi Nhà đầu tư thống kê giao dịch, số dư trên tài khoản, tiểu khoản và báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng của quỹ. Đối với Nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh, Công ty Quản lý Quỹ gửi thống kê giao dịch, số dư trên tiểu khoản theo yêu cầu bằng văn bản của Nhà đầu tư. Thời hạn cung cấp thông tin không quá 05 (năm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Nhà đầu tư.
- 1.3. Công ty Quản lý Quỹ phải công bố hoặc cung cấp cho Nhà đầu tư:
 - a. Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt; báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm đã kiểm toán;
 - b. Báo cáo tổng kết về hoạt động Quản lý Quỹ, bán niên và cả năm;
 - c. Báo cáo thống kê về phí, giá dịch vụ giao dịch trong hoạt động đầu tư của quỹ, bán niên và cả năm;
 - d. Báo cáo về hoạt động của quỹ, bán niên và cả năm.
- 1.4. Các tài liệu quy định tại điểm 1.3 nêu trên được cung cấp miễn phí cho Nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ. Thời hạn công bố không muộn quá 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc nửa năm tài chính; và không muộn quá 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 1.5. Trường hợp Nhà đầu tư có yêu cầu, Công ty Quản lý Quỹ phải cung cấp quy trình quản trị rủi ro, nêu rõ các hạn chế đầu tư, phương pháp phòng ngừa và quản lý rủi ro sử dụng để quản lý tài sản của Quỹ.

2. Chế độ báo cáo, lưu trữ hồ sơ, quản lý thông tin

- 2.1. Công ty Quản lý Quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - a. Báo cáo về hoạt động đầu tư của quỹ, định kỳ hàng tháng, bán niên và cả năm;
 - b. Báo cáo tổng kết hoạt động Quản lý Quỹ, bán niên và cả năm;
 - c. Báo cáo về các giao dịch tài sản của quỹ;
 - d. Báo cáo thống kê về phí, giá dịch vụ giao dịch trong hoạt động đầu tư của Quỹ, bán niên và hàng năm;
 - e. Báo cáo định kỳ hàng quý, năm về tình hình hoạt động của đại lý phân phối;
- 2.2. Báo cáo phải được gửi kèm theo tệp dữ liệu điện tử trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng, trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày kết thúc quý; trong vòng 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày kết thúc nửa năm tài chính; và trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính của Quỹ.
- 2.3. Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát phải lưu trữ toàn bộ tài liệu chứng từ về hoạt động đầu tư của Quỹ theo quy định về tổ chức và hoạt động Công ty Quản lý Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát, Đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan,

tổ chức kiểm toán, Ban Đại diện Quỹ và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm bảo mật thông tin về hoạt động của Quỹ, thông tin về Nhà đầu tư, không tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba, ngoại trừ theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt

- Trụ sở chính: Tầng 12, tòa nhà Pacific Place, số 83B Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, TP Hà Nội.
- Điện thoại: (84-24) 3 928 9589 Fax: (84-24) 3 9289 590
- Website: <http://www.baovietfund.com.vn>

Các Đại lý phân phối theo quy định tại Bản Cáo bạch này

XV. CAM KẾT

Công ty Quản lý Quỹ cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

1. Phụ lục 1: Quy trình và các hướng dẫn giao dịch chứng chỉ quỹ BVPF
2. Phụ lục 2: Các mẫu phiếu đăng ký mua, bán, giao dịch chứng chỉ quỹ BVPF
3. Phụ lục 3: Danh sách Đại lý phân phối và các địa điểm giao dịch chứng chỉ quỹ, địa điểm nơi Bản cáo bạch được cung cấp
4. Phụ lục 4: Phương pháp xác định giá trị tài sản
5. Phụ lục 5: Biểu giá dịch vụ lưu ký giám sát và giá dịch vụ trả cho dịch vụ ủy quyền

Ngân hàng lưu ký – giám sát



Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Trần Thị Diệu Hằng

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thừa Nhật

PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Mỹ Linh

Phụ lục 1. Quy trình và các hướng dẫn giao dịch chứng chỉ quỹ BVPF

1. Mở/đóng tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ

- Nhà đầu tư phải mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ để thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ được mở tại các Đại lý phân phối theo công bố tại Bản Cáo bạch của Quỹ.
- Hồ sơ và thủ tục đăng ký mở/đóng/thay đổi thông tin Tài khoản giao dịch, thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ sẽ thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành và hướng dẫn của Đại lý phân phối nơi Nhà đầu tư mở tài khoản.
- Trình tự thực hiện:
 - (1) Nhà đầu tư hoàn thiện HSDKMTK và chuyển cho Đại lý phân phối.
 - (2) Đại lý phân phối kiểm tra tính chính xác và đầy đủ của HSDKMTK theo quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan. Trường hợp đáp ứng quy định, Đại lý phân phối chuyển các thông tin tại HSDKMTK cho Đại lý chuyển nhượng để thực hiện mở tài khoản.
 - (3) Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được HSDKMTK đầy đủ, hợp lệ, Đại lý phân phối thông báo cho Nhà đầu tư các thông tin về tài khoản đã được mở.
- Tài khoản giao dịch Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư sẽ được đóng khi Nhà đầu tư có yêu cầu đóng hợp lệ và tài khoản giao dịch không còn Chứng chỉ Quỹ

2. Thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ:

2.1 Giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ:

2.1.1 Giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ thông thường:

- Ngày giao dịch: tất cả các ngày làm việc từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần, không kể các ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật (Ngày T).
- Trường hợp Ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ, tết, nghỉ bù theo quy định của pháp luật thì việc giao dịch chứng chỉ quỹ sẽ được thực hiện vào ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ*
- Thời gian thực hiện: Trước 14h40 của Ngày T - 1;
- Số tiền đặt mua: Tối thiểu 100.000 đồng/lệnh mua, trong trường hợp điều chỉnh số tiền đặt mua tối thiểu, Công ty Quản lý quỹ sẽ công bố thông tin trên website của Công ty và các Đại lý phân phối;
- Thông tin tài khoản tiền của Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát: Theo thông báo của Đại lý phân phối mà Nhà đầu tư thực hiện mở tài khoản;
- Nhà đầu tư thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản tiền của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát theo quy định của pháp luật có liên quan dưới các hình thức sau:

- Chuyển khoản
 - Nộp tiền mặt đến tài khoản của Quý tại ngân hàng giám sát;
 - Các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật theo (nếu có);
- Hướng dẫn đầu tư sẽ được công bố trên website của Công ty quản lý Quý.
 - Trường hợp lệnh mua chứng chỉ quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là nhà đầu tư, phiếu lệnh và xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, số tiểu khoản giao dịch hoặc số định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và giá trị thanh toán của nhà đầu tư.

2.1.2 Giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ theo Chương trình đầu tư định kỳ (SIP):

- Thời gian tham gia, Số tiền đặt mua, Kỳ nộp tiền...theo đăng ký tham gia Chương trình đầu tư định kỳ của Nhà đầu tư;
- Giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ theo Chương trình đầu tư định kỳ sẽ được thực hiện vào Ngày giao dịch ngay sau Thời điểm nộp tiền định kỳ muộn nhất;
- Thông tin tài khoản tiền của Quý mở tại Ngân hàng Giám sát: Theo thông báo của Đại lý phân phối mà Nhà đầu tư thực hiện mở tài khoản;
- Nhà đầu tư thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản tiền của Quý do Công ty Quản lý Quý mở tại Ngân hàng Giám sát theo quy định của pháp luật có liên quan dưới các hình thức sau:
 - Chuyển khoản;
 - Nộp tiền mặt đến tài khoản của Quý tại ngân hàng giám sát;
 - Các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật theo (nếu có);
- Hướng dẫn đầu tư sẽ được công bố trên website của Công ty quản lý Quý.

2.2 Giao dịch bán Chứng chỉ Quỹ:

- Ngày giao dịch: Tất cả các ngày làm việc từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần, không kể các ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật (Ngày T);
- Thời gian thực hiện: Trước 14h40 của Ngày T - 1;
- Số lượng Chứng chỉ Quỹ đặt bán: Tối thiểu năm (05) Chứng chỉ Quỹ/lệnh, trong trường hợp điều chỉnh số Chứng chỉ Quỹ đặt bán tối thiểu, Công ty Quản lý quỹ sẽ công bố thông tin trên website của Công ty Quản lý Quỹ và các Đại lý phân phối;
- Lệnh bán Chứng chỉ Quỹ có thể chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
- Không yêu cầu duy trì số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu trên tài khoản giao dịch của nhà đầu tư.

2.3 Giao dịch chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ

- Ngày giao dịch: Tất cả các ngày làm việc từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần, không kể các ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật (Ngày T);
- Thời gian thực hiện: Trước 14h40 của Ngày T - 1;
- Số lượng Chứng chỉ Quỹ chuyển đổi: Tối thiểu năm (05) Chứng chỉ Quỹ/lệnh giao dịch, trong trường hợp điều chỉnh số Chứng chỉ Quỹ đặt lệnh chuyển đổi tối thiểu, Công ty Quản lý quỹ sẽ công bố thông tin trên website của Công ty và các Đại lý phân phối;
- Lệnh chuyển đổi được thực hiện theo các nguyên tắc sau:
 - a. Lệnh bán đối với chứng chỉ quỹ bị bán được thực hiện trước sau đó mới thực hiện lệnh mua chứng chỉ của quỹ mục tiêu;
 - b. Các lệnh được thực hiện tại các ngày giao dịch chứng chỉ của các quỹ tương ứng;
 - c. Nhà đầu tư chỉ phải thanh toán giá dịch vụ chuyển đổi, không phải thanh toán giá dịch vụ mua, giá dịch vụ bán đối với các lệnh giao dịch nói trên.

Lưu ý:

- *Lệnh mua chứng chỉ của quỹ mục tiêu chỉ được thực hiện tại ngày giao dịch tương ứng sau khi tiền bán chứng chỉ quỹ (lệnh bán có thể được thực hiện toàn bộ hoặc một phần) đã được chuyển vào tài khoản của quỹ mục tiêu;*
- *Phí chuyển tiền, thuế giao dịch phát sinh trong quá trình chuyển đổi (nếu có) sẽ được khấu trừ vào số tiền thu được từ lệnh bán trong giao dịch chuyển đổi;*
- *Thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ mục tiêu sẽ được tính từ ngày lệnh chuyển đổi được thực hiện;*
- Lệnh chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ có thể chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
- Không yêu cầu duy trì số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu trên tài khoản giao dịch của nhà đầu tư.

Phụ lục 2. Các mẫu phiếu đăng ký mua, bán, giao dịch chứng chỉ quỹ BVPF

Tất cả các mẫu Tổng hợp thông tin nhận biết nhà đầu tư, Phiếu đăng ký tài khoản và giao dịch Chứng chỉ Quỹ sẽ được các Đại lý phân phối tự thiết kế và thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Mẫu phiếu lệnh sẽ bao gồm các thông tin tối thiểu sau:

MẪU PHIẾU LỆNH

Kính gửi: Đại lý phân phối (tên đại lý phân phối)

1	Phần dành cho nhà đầu tư			
Họ và tên nhà đầu tư:			Số tài khoản:	
Số định danh cá nhân:			Nơi, ngày cấp:	
Loại tài khoản: Nhà đầu tư ☐ Đại lý phân phối ☐				
Loại lệnh: MUA ☐				
Quỹ		Số tiền đầu tư		Phần dành cho đại lý phân phối
		Bảng số	Bảng chữ	Số thứ tự lệnh Số Chứng từ
Loại lệnh: BÁN ☐				
Quỹ		Số lượng		Phần dành cho đại lý phân phối
		Bảng số	Bảng chữ	Số thứ tự lệnh Số Chứng từ
Loại lệnh: CHUYỂN ĐỔI QUỸ ☐				
Từ quỹ (tên của quỹ) sang quỹ (tên của quỹ mục tiêu)				
Quỹ		Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký chuyển đổi		Phần dành cho đại lý phân phối
		Bảng số	Bảng chữ	Số thứ tự lệnh Số Chứng từ
Loại lệnh/yêu cầu: HỦY LỆNH MUA ☐				
Quỹ		Số tiền đầu tư		Phần dành cho đại lý phân phối
		Bảng số	Bảng chữ	Số thứ tự lệnh Số Chứng từ
Loại lệnh/yêu cầu: HỦY LỆNH BÁN ☐				
Quỹ		Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký bán		Phần dành cho đại lý phân phối

	Bảng số	Bảng chữ	Số thứ tự lệnh	Số Chứng từ
Loại lệnh/yêu cầu: HỦY LỆNH CHUYỂN ĐỔI QUỸ ☐				
Quỹ	Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký chuyển đổi		Phần dành cho đại lý phân phối	
	Bảng số	Bảng chữ	Số thứ tự lệnh	Số Chứng từ
Loại lệnh/yêu cầu: ĐẦU TƯ ĐỊNH KỲ				
Quỹ	Số tiền đầu tư định kỳ		Phần dành cho đại lý phân phối	
	Bảng số	Bảng chữ	Số thứ tự lệnh	Số Chứng từ
Hình thức thanh toán				
Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☐				
Địa chỉ liên hệ của nhà đầu tư (bằng thư)				
Điện thoại di động:				
Thư điện tử:				
Thông tin về tài khoản ngân hàng/tài khoản giao dịch chứng khoán (số tài khoản, tên ngân hàng/công ty chứng khoán):				
Người quản lý tài khoản:				
Nhà đầu tư (Ký, ghi rõ họ, tên)			Nhân viên của Đại lý phân phối (Ký, ghi rõ họ, tên)	
Ngày.... tháng ... năm			Ngày.... tháng ... năm	
Các văn bản thỏa thuận và các ủy quyền đi kèm				
2	Phần dành cho đại lý phân phối			
Thời điểm nhận lệnh	Nhân viên nhận lệnh		Nhân viên kiểm soát	

PHỤ LỤC 3: Danh sách đại lý phân phối và địa điểm giao dịch chứng chỉ quỹ, địa điểm nơi bán cáo bạch được cung cấp

Stt	Đại lý phân phối	Thông tin chi tiết Đại lý phân phối
1	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt Website: http://www.baovietfund.com.vn/	- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 12, tòa nhà Pacific Place, số 83B Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội - Số điện thoại: (84-24) 3 928 9589 - Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ: Tầng 12, tòa nhà Pacific Place, số 83B Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội - Ứng dụng phân phối chứng chỉ quỹ: BVF Mobile
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt Website: http://www.bvsc.com.vn	- Địa chỉ trụ sở chính: Số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội - Số điện thoại: (84-24) 3928 8080 - GCN đăng ký hoạt động phân phối: 21/GCN-UBCK ngày 01/06/2021 - Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ: Trụ sở công ty: Số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội; Phòng Giao dịch 233 Đồng Khởi – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Tầng trệt, Tòa nhà Bảo Việt, 233 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh - Ứng dụng phân phối chứng chỉ quỹ: N/A
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản Website: https://www.japan-sec.vn	- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7, Tháp 1, Tòa nhà Capital Place, Số 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Hà Nội - Số điện thoại: (84-24) 3 7911818 - GCN đăng ký hoạt động phân phối: 14/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 28/04/2022 - Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ: Tầng 7, Tháp 1, Tòa nhà Capital Place, Số 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Hà Nội - Ứng dụng phân phối chứng chỉ quỹ: N/A
4	Công ty Cổ phần Fincorp Website: https://fmarket.vn	- Địa chỉ trụ sở chính: 176/1 - 176/3 Đường Nguyễn Văn Thương, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam - Số điện thoại: (84-28) 3 636 1079 - GCN đăng ký hoạt động phân phối: 01/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 02/04/2018

		- Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ: 176/1 - 176/3 Đường Nguyễn Văn Thương, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam - Ứng dụng phân phối chứng chỉ quỹ: Fmarket
5	Công ty Cổ phần chứng khoán Mirae Asset Website: https://www.masvn.com/	- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7, tòa nhà Le Meridien, 3C Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh - Số điện thoại: 18006277 - GCN đăng ký hoạt động phân phối: 11/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 13/05/2021 - Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ: Tầng 7, tòa nhà Le Meridien, 3C Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh - Ứng dụng phân phối chứng chỉ quỹ: M-Stock
6	Công ty Cổ phần chứng khoán VPBank Website: https://www.vpbanks.com.vn/	- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 21 và Tầng 25, Tòa nhà Văn phòng Thương mại số 89 Láng Hạ, Phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội - Số điện thoại: 1900636679 - GCN đăng ký hoạt động phân phối: 52/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 22/09/2022 - Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ: Tầng 21 và Tầng 25, Tòa nhà Văn phòng Thương mại, số 89 Láng Hạ, Phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội - Ứng dụng phân phối chứng chỉ quỹ: Neo Invest
7	Công ty Cổ phần chứng khoán Finhay - PHSC Website: https://www.vnsc.vn/	- Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 702, Tầng 7 Tòa nhà Capital Building, số 58 Kim Mã, phường Ba Đình, TP. Hà Nội - Số điện thoại: (84-24) 66878996 - GCN đăng ký hoạt động phân phối: 42/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 24/08/2022 - Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ: Phòng 702, Tầng 7 Tòa nhà Capital Building, số 58 Kim Mã, phường Ba Đình, TP. Hà Nội - Ứng dụng phân phối chứng chỉ quỹ: FINHAY
8	Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam Website: https://shinhansec.com.vn/	- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 18, Tòa nhà The Mett, 15 Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, TP. Hồ Chí Minh - ĐT: (84-28) 6 299 8000 - GCN đăng ký hoạt động phân phối: 44/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 30/03/2023

		- Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ: Tầng 18, Tòa nhà The Mett, 15 Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, TP. Hồ Chí Minh - Ứng dụng phân phối chứng chỉ quỹ: San Xin Ha
9	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt Website: https://vdsc.com.vn/	- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 đến tầng 8, Tòa nhà Việt Dragon, 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (84-28) 6 299 2006 - Fax: (84-28) 6 291 7986 - GCN đăng ký hoạt động phân phối: 38/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 28/07/2022 - Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ: Tầng 1 đến tầng 8, Tòa nhà Việt Dragon, 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh - Ứng dụng phân phối chứng chỉ quỹ: iDragon
10	Công ty Cổ phần công nghệ tài chính DigiFinace Website: https://digifinance.vn/	- Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 403, tầng 4 Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội - Điện thoại: 0968786660 - GCN đăng ký hoạt động phân phối: 24/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 13/06/2022 - Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ: Phòng 204 Tòa nhà Tây Hà, số 196 Tổ Hữu, Phường Thanh Xuân, TP. Hà Nội - Ứng dụng phân phối chứng chỉ quỹ: Digi Finance

Phụ lục 4. Phương pháp xác định giá trị tài sản

A – Giá trị tài sản

Stt	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá
2	Tiền gửi có kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá
3	Tín phiếu kho bạc, Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá
4	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		
5	Trái phiếu niêm yết, Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
6	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá được xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

Cổ phiếu		
7	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết	- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá được xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
8	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức đăng ký giao dịch, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức đăng ký giao dịch	- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá được xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
9	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch không phải do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	Là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Mệnh giá; hoặc + Giá được xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
10	Cổ phiếu bị hủy niêm yết hoặc bị hủy đăng ký giao dịch do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách, hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

11	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: + 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc + Giá được xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
12	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua/ giá trị vốn góp; hoặc + Giá được xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
13	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá. Trong trường hợp không có giá đóng cửa của Sở giao dịch chứng khoán như quy định trên, giá xác định theo giá thanh toán cuối ngày hoặc giá thanh toán cuối cùng (trong trường hợp đáo hạn) được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp tới thành viên bù trừ giao dịch phái sinh và được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
14	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận
15	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc

		+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
16	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

Ghi chú:

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;
- Giá trị sổ sách (Book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét;
- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành;
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuters/ Bloomberg/ VNBF...) để tham khảo;
- Tại phần này của Phụ lục, ngày được hiểu là ngày theo lịch.

B - Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

- Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ/công ty đầu tư chứng khoán là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.
- Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

Stt	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng x khối lượng

¹ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

		cổ phiếu trên mỗi hợp đồng x giá thị trường hiện tại của cổ phiếu x hệ số delta ²
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng x mệnh giá x giá thị trường hiện tại của trái phiếu x hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của 1 vị thế tương lai = Số hợp đồng x giá trị tính trên 1 điểm chỉ số x mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng x giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) x giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các Hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty Quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

³ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

Phụ lục 5. Biểu giá dịch vụ lưu ký giám sát và giá dịch vụ trả cho dịch vụ ủy quyền

1. Giá dịch vụ lưu ký và Giám sát

Stt	Loại giá dịch vụ	Mức giá dịch vụ	Tối thiểu / Tối đa	Ghi chú
A.I Giá dịch vụ lưu ký, giám sát				
	A.1.1 Giá dịch vụ lưu ký	0,06%*NAV/Năm	Tối thiểu 20.000.000 đồng/tháng	Chưa bao gồm VAT theo quy định của pháp luật từng thời kỳ.
	A.1.2 Giá dịch vụ giám sát	0,02%*NAV/Năm	Tối thiểu 5.000.000 đồng/tháng.	
A.II Giá dịch vụ lưu ký xử lý hồ sơ				
A.2.1	Đối với giao dịch cổ phiếu, trái phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch	0,01% giá trị giao dịch	Tối đa 3.000.000 đồng/ngày giao dịch	Chưa bao gồm VAT theo quy định của pháp luật từng thời kỳ.
A.2.2	Đối với các giao dịch mua bán chứng khoán OTC và các tài sản khác	100.000 đồng/giao dịch		
A.III Giá dịch vụ lưu ký, chuyển khoản của VSDC (Giá dịch vụ của bên thứ 3)				
A.3.1	Giá dịch vụ lưu ký	0,27 đồng/cổ phiếu, CCQ, CQ có đảm bảo /tháng; 0,18 đồng/trái phiếu doanh nghiệp, công cụ nợ/tháng	Tối đa 2.000.000 đồng/ tháng/ mã trái phiếu doanh nghiệp, công cụ nợ	Giá dịch vụ lưu ký và giá dịch vụ chuyển khoản theo Quy định Bộ Tài chính trong từng thời kỳ. Khi Bộ Tài chính thay đổi biểu giá dịch vụ thì khoản mục giá dịch vụ này sẽ thay đổi tương ứng
A.3.2	Giá dịch vụ chuyển khoản thực hiện giao dịch	0,3 đồng/chứng khoán/lần chuyển khoản/mã chứng khoán	Tối đa không quá 300.000 đồng/ 1 lần chuyển khoản/ 1 mã chứng khoán	
A.3.3	Các khoản giá dịch vụ VSDC thu của thành viên liên quan trực tiếp đến hoạt động của Quỹ	Theo mức phát sinh cụ thể		

2. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng:

Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC)

cung cấp dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng cho Quỹ với mức giá dịch vụ như sau:

- Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng:

Stt	Loại tiền dịch vụ	Mức giá dịch vụ (*)
1	Tiền cố định hàng tháng	- Mức 1: 12.000.000 VND/tháng áp dụng khi Quỹ có tần suất giao dịch > 02 phiên/tuần - Mức 2: 10.000.000 VND/tháng áp dụng cho khi Quỹ có tần suất giao dịch ≤ 02 phiên/tuần (Trường hợp quỹ thay đổi tần suất giao dịch, mức giá dịch vụ mới sẽ được áp dụng từ tháng liền sau tháng thay đổi)
2	Tiền thiết lập, duy trì thông tin - Thiết lập dữ liệu ĐLPP, NHGS - Thiết lập dữ liệu NĐT - Duy trì thông tin tài khoản NĐT	Miễn phí
3	Tiền cung cấp thông tin - Thông tin giao dịch hàng ngày - Thông tin kết quả giao dịch tại các ngày giao dịch - Thông tin về số lượng CCQ đang lưu hành - Thông tin danh sách NĐT sở hữu CCQ	Miễn phí
4	Tiền thực hiện quyền - Lập danh sách thực hiện quyền	1.000.000 đồng/lần lập danh sách

(*) Chưa bao gồm thuế VAT. Trường hợp giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng của VSDC có thay đổi theo biểu giá của Bộ Tài chính quy định trong từng thời kỳ hoặc điều chỉnh tăng không quá 120% hoặc điều chỉnh giảm, mức giá dịch vụ này sẽ thay đổi tương ứng.

- **Giá dịch vụ khác**

- Tiền gửi thư cho Nhà đầu tư sẽ được Công ty Quản lý Quỹ trả cho VSDC theo thực tế phát sinh do VSDC gửi cho Công ty Quản lý Quỹ kèm theo tài liệu chứng minh.

- Trường hợp có yêu cầu cung cấp thông tin đặc thù theo yêu cầu hoặc các công việc khác, mức tiền Công ty Quản lý Quỹ trả cho VSDC đối với các dịch vụ này được thực hiện trên cơ sở văn bản thỏa thuận đã được hai bên thống nhất.